

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Kim Thoa

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT TRƯỜNG HỌC
VÀ VĂN PHÒNG ANH ĐỨC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Kim Thoa

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Thoa

Mã SV: 1412401319

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất
trường học và văn phòng Anh Đức

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức sử dụng số liệu năm 2016.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

- Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyễn Hãn - Lê Chân - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 06 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 08 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Kim Thoa

ThS. Đồng Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Đồng Thị Nga

Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Kim Thoa Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi

Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.

Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể. Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đồng Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:.....	7
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu:	8
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:.....	9
1.5. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí động bán hàng và cung cấp dịch theo thông tư số 48/2006.QĐ :.....	9
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:	14
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán	15
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :	21
1.6. Nội dung kết toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	24
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác:.....	28
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	32
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	34
1.10. So sánh điểm giống và khác nhau giữa thông tư 133/2016 và quyết định 48/2006:.....	38
1.10.1 Điểm giống nhau: Thông tư số 133/2016 và Quyết định 48/2006 đều áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với:	38
1.10.2 Sự khác nhau giữa TT số 133/2016/TT-BTC và QĐ 48/2006/QĐ-BTC	38
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT TRƯỜNG HỌC VÀ VĂN PHÒNG ANH ĐỨC	41
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	41
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	41
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh :.....	44

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	45
2.1.4 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:.....	45
2.1.4.1 Chính sách áp dụng tại công ty:.....	45
2.1.4.2. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty	46
2.1.4.4 Tổ chức hệ thống báo cáo:.....	49
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	49
2.2.1.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	49
2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng	49
2.2.1.2 Sổ sách sử dụng	50
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng.....	50
2.2.1.4. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty	50
2.2.1.5.Ví dụ minh họa:	51
2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	57
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:	57
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	57
2.2.2.3. Trình tự ghi sổ	57
2.2.2.4. Ví dụ minh họa	57
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	61
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng	61
2.2.3.2. Sổ sách sử dụng	61
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	61
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	61
2.2.3.5. Phương pháp hạch toán:.....	61
2.2.3.6. Ví dụ minh họa	62
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:	67
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	67
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	67
2.2.4.3 Quy trình hạch toán	67

2.2.4.4. Ví dụ minh họa:	68
2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức :.....	75
2.2.5.1.Chứng từ kế toán sử dụng.....	75
2.2.5.2. Sổ sách sử dụng	75
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng	75
2.2.5.4. Quy trình hạch toán.....	76
2.2.5.5 Ví dụ minh họa	76
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT TRƯỜNG HỌC VÀ VĂN PHÒNG ANH ĐỨC	89
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức.	89
3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức:	89
3.1.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức:.....	90
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	90
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	90
3.4.2 Kiến nghị 2: Kiến nghị về áp dụng chế độ kế toán mới.	94
3.4.3 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.	94
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.....	97
3.4.1. Về phía Nhà nước.....	97
3.4.2. Về phía doanh nghiệp.....	97
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	100

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra hết sức gay gắt và khốc liệt. Để tìm cho mình chỗ đứng vững chắc trên thị trường, đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng đổi mới và phát triển. Doanh nghiệp phải phát huy hết khả năng của mình để chủ động nắm bắt thời cơ, có chiến lược phát triển kinh doanh, phát triển sản phẩm đối với ngành nghề mà họ đang theo đuổi. Mục tiêu của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Cần phải sử dụng có hiệu quả công cụ quản lý kế toán, do đó việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản lý có quyết định kịp thời.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò đặc biệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh- là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp có quyết định đúng đắn, hạn chế được rủi ro trong kinh doanh và phát triển vốn sản xuất.

Từ những vai trò thực tế trên và qua quá trình tìm hiểu về công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức, em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu:

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác gì so với những kiến thức đã học được ở trường đại học hay không. Qua đó có thể rút ra được những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán đó, để từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

3. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu được vận dụng trong báo cáo là phương pháp thống kê và phân tích số lượng thực tế thu thập được trong quá trình thực tập tại

doanh nghiệp, các số liệu ghi chép trên sổ sách của công ty, các báo cáo tài chính, sổ sách kế toán tại doanh nghiệp và qua việc phỏng vấn lãnh đạo cũng như các nhân viên trong phòng kế toán để từ đó rút ra được nhận xét, kết luận và hoàn thiện bài báo cáo.

4. Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: Nghiên cứu tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

Lấy số liệu của năm 2016 để minh họa.

5. Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn ThS.Đồng Thị Nga. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và nhân viên phòng Kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:****❖ Bán hàng:**

Theo quan niệm cổ điển: "Bán hàng là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyển cho người mua để được nhận lại tiền từ người mua, vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận"

Theo một số quan điểm hiện đại phổ biến thì khái niệm bán hàng được định nghĩa như sau.

- Bán hàng là nền tảng trong kinh doanh đó là sự gặp gỡ của người bán và người mua ở những nơi khác nhau giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu nếu cuộc gặp gỡ thành công trong cuộc đàm phán về việc trao đổi sản phẩm.

- Bán hàng là quá trình liên hệ với khách hàng tiềm năng tìm hiểu nhu cầu khách hàng, trình bày và chứng minh sản phẩm, đàm phán mua bán, giao hàng và thanh toán.

- Bán hàng là sự phục vụ, giúp đỡ khách hàng nhằm cung cấp cho khách hàng những thứ mà họ muốn.

❖ Sản phẩm tiêu thụ:

Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ sản phẩm là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng

❖ Doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 của Doanh thu và Thu nhập khác ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định như sau:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được, các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

❖ Doanh thu thuần:

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính Doanh thu thuần (=) doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (-) các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Thời điểm ghi nhận doanh thu:

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán về số lượng hàng hóa hay dịch vụ người bán.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

- + *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- + *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

- + *Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:* là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

❖ Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh

trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các loại chi phí:

a) Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- ✓ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- ✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

b) Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

c) Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

d) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

❖ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định Nhà nước.

Kết quả hoạt động KD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: **Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu** (*chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp*).

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí lãi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

• **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.**

• **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.**

• **Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.**

• **Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác**

• **Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN**

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng bộ tài chính.

***Doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*** Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

*** Thu nhập khác:** Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.3 .Nguyên tắc kế toán doanh thu:

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là giá bao gồm cả VAT.
- Với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

- Với doanh nghiệp bán hàng theo hình thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá tiền một lần từ đầu(nhưng trả làm nhiều kì), không bao gồm tiền lãi trả chậm , trả góp. Lãi trả chậm, trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.

- Với những doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa vật tư, thì doanh thu là số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.

- Với doanh nghiệp làm đại lý thì doanh thu là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng, không bao gồm số tiền thu được từ bán hàng.

- Doanh nghiệp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính được xác định bằng tổng số tiền nhận trước chia cho số năm trả trước.

- Đối với sản phẩm hàng hóa đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại hay yêu cầu giảm giá do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc khi người mua mua với số lượng lớn được hưởng chiết khấu, kế toán sẽ theo dõi chi tiết trên TK 5211, 5212, 5213.

- Các trường hợp không được hạch toán vào TK511:

+Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được.

+Các khoản nợ không có người đòi.

+Các khoản thu nhập khác như phạm vi hợp đồng.

1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:, phản ghi chép ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng.

1.5 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí động bán hàng và cung cấp dịch theo thông tư số 48/2006.QĐ :

1.5.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu tiền
- Phiếu báo có...

***Tài khoản sử dụng:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Tài khoản 511 có năm tài khoản cấp 2:

+TK5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư lương thực,...

+TK5112 – Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm(Thành phẩm, bán thành phẩm) đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp,...

+TK5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+TK5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+TK5118: Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của nhà nước...

- Bên Nợ:

+Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

+Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

+Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

+Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

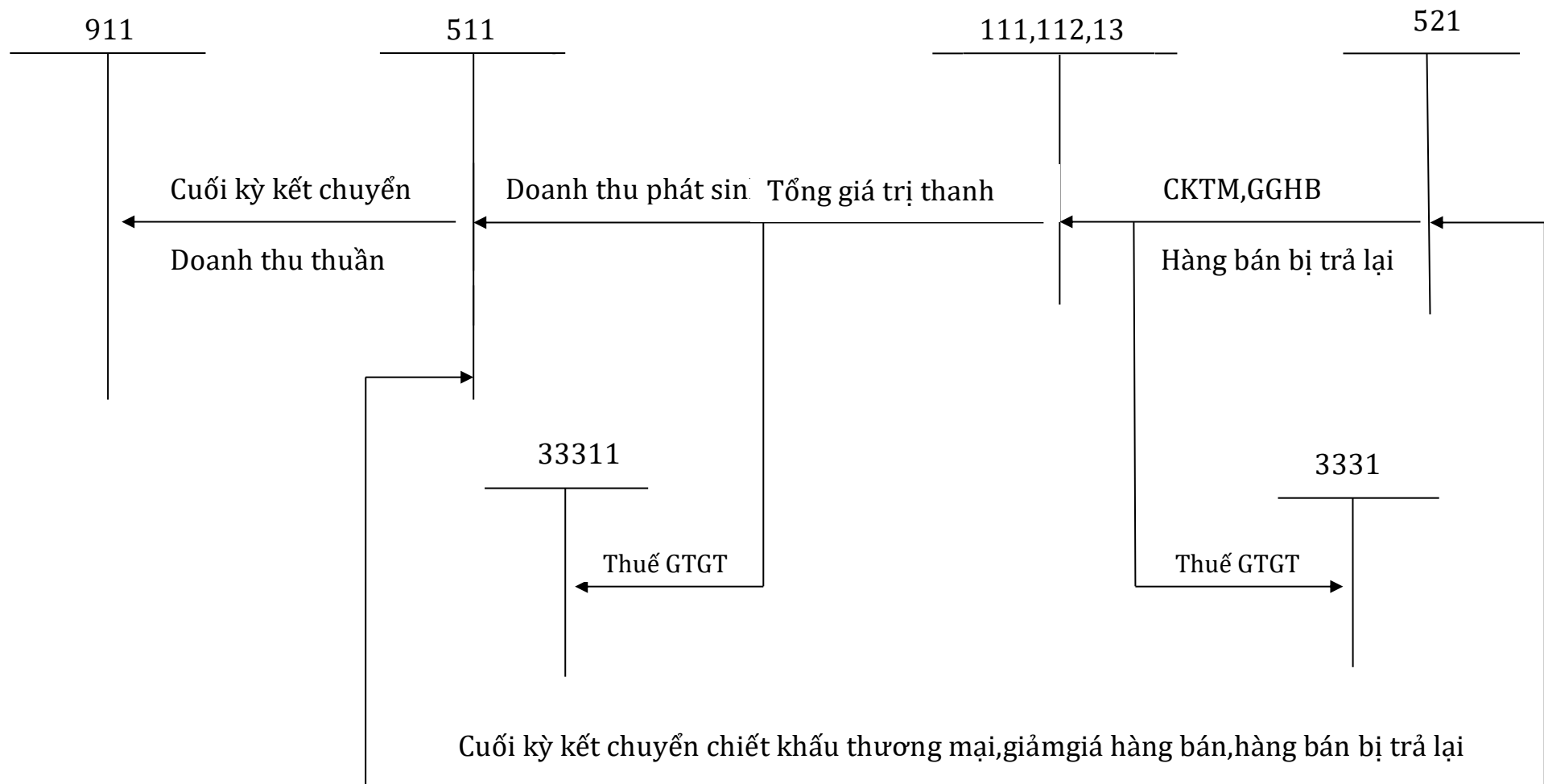
+Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

+Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

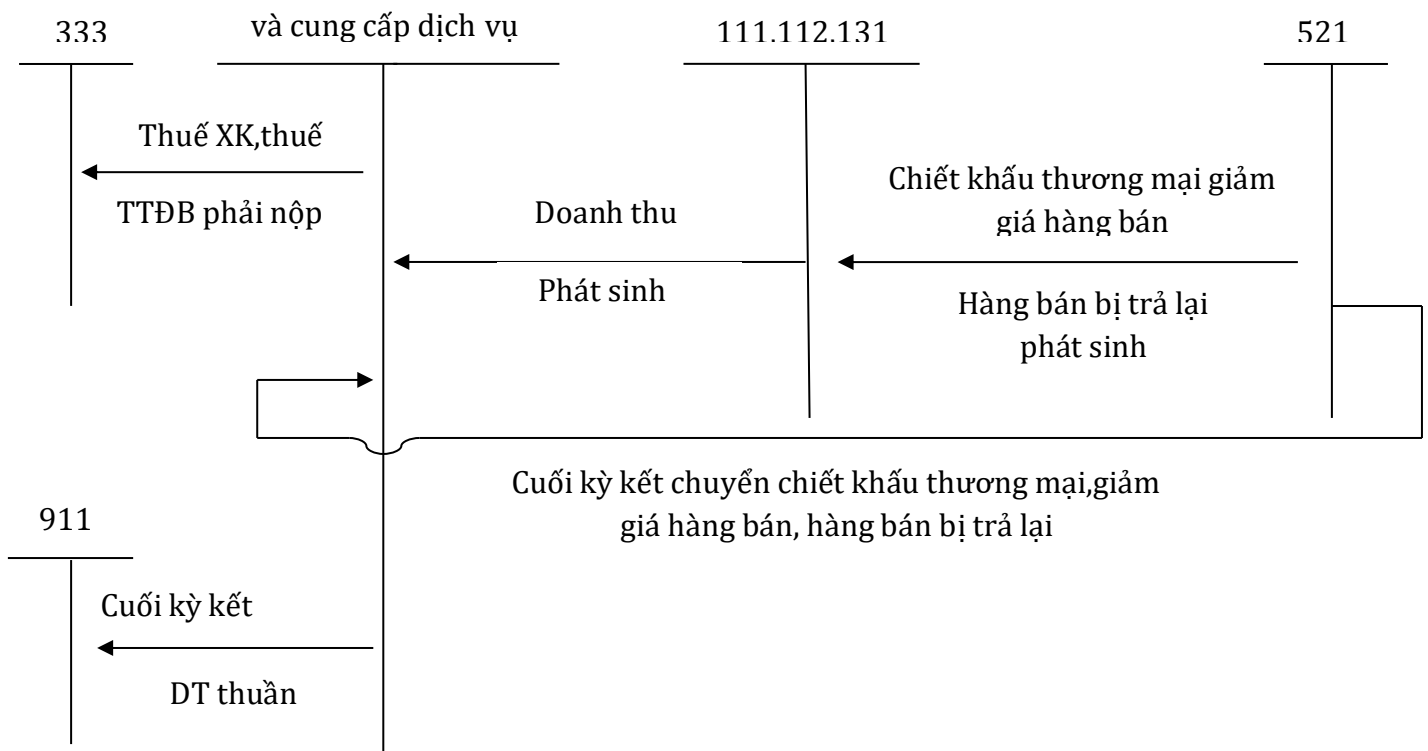
- Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

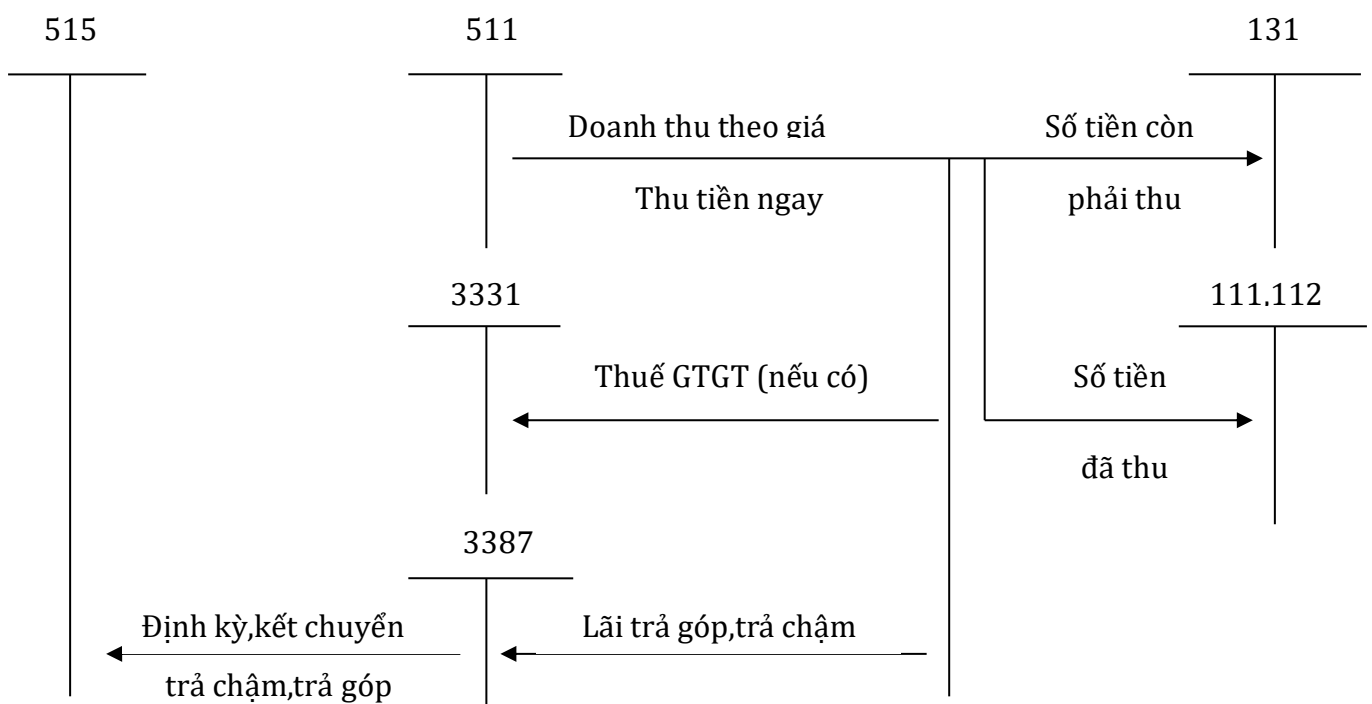
- TK511 không có số dư cuối kỳ.

***Phương pháp hạch toán:**

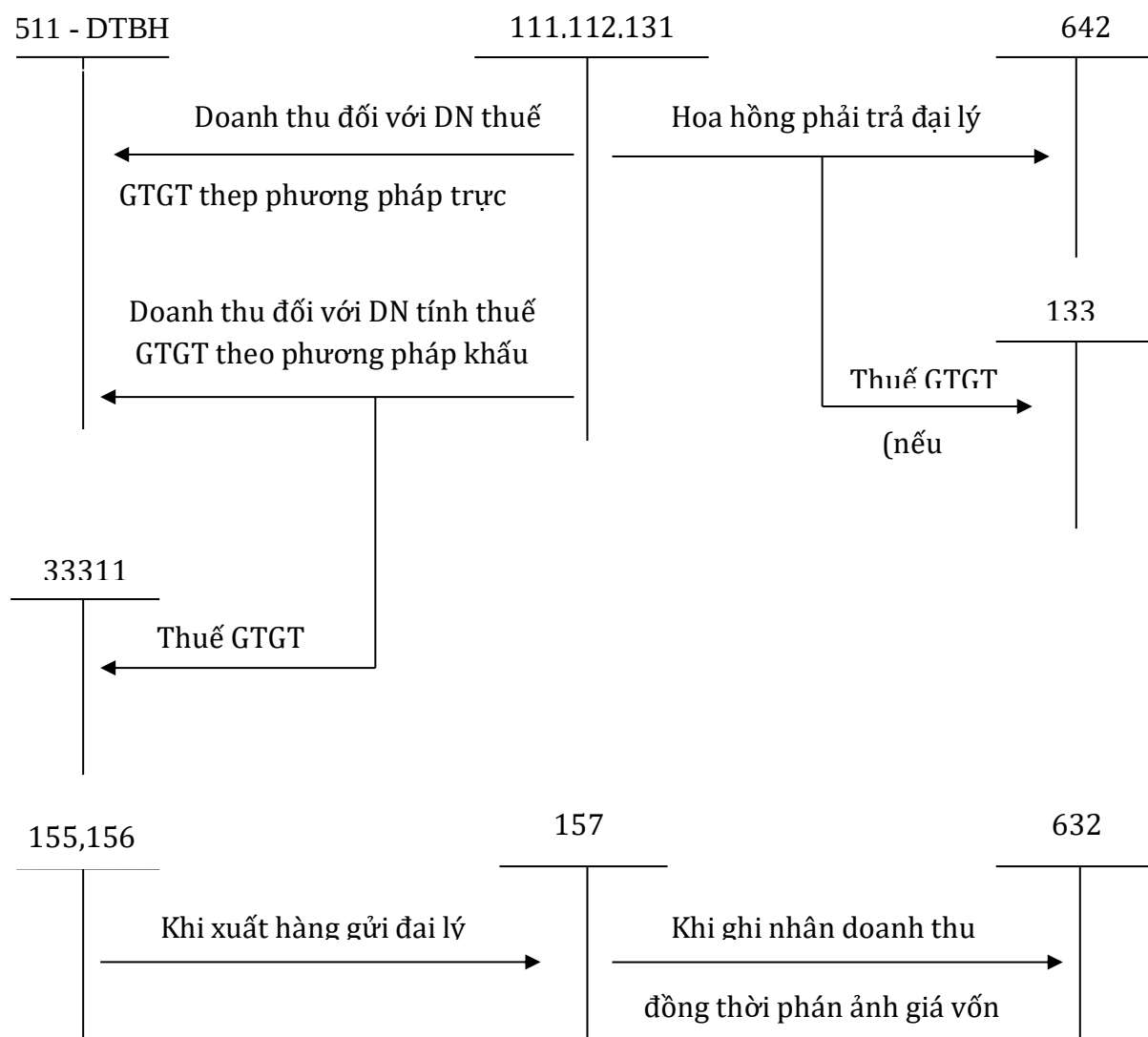
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trả chậm, trả góp.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý).

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ...
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

***Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 512 dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại*: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

+ *Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

+ *Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán*: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

- Bên Nợ:

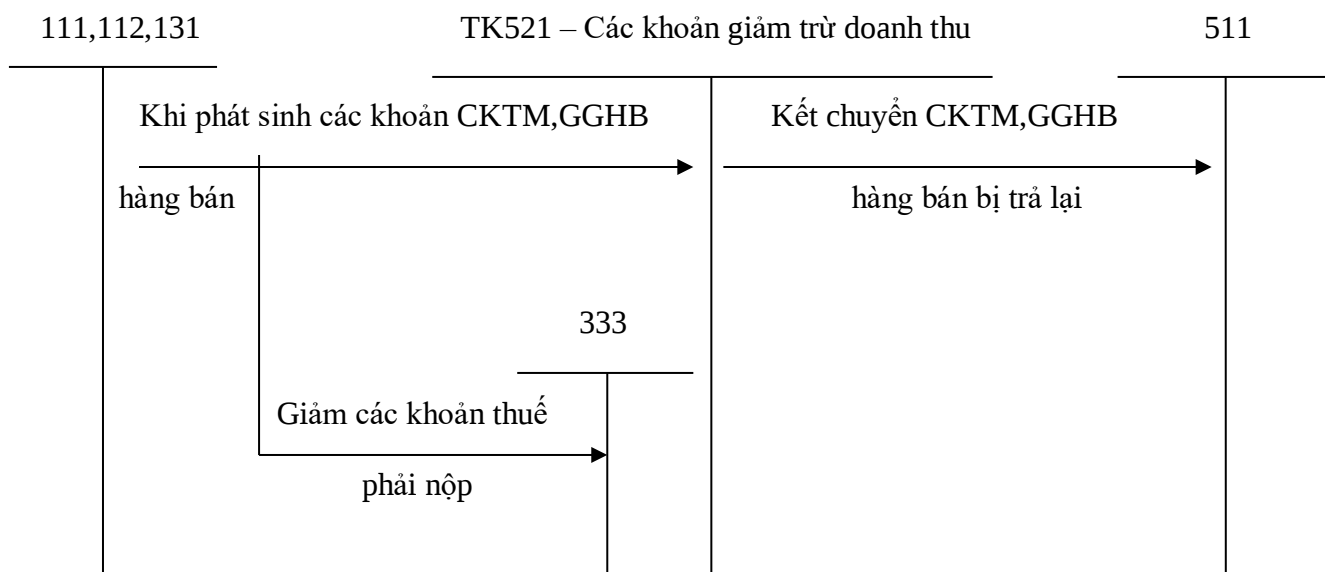
+Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

+Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;

+Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

- Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:****Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán giảm trừ doanh thu .*1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán*****Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

- **Phương pháp giá thực tế đích danh:** khi áp dụng phương pháp này thì giá mua hàng hóa phải được theo dõi từng lô, từng loại hàng và theo dõi từ khâu mua đến khâu bán, do đó hàng hóa xuất bán thuộc lô nào thì giá vốn hàng bán chính là giá mua của hàng hóa đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+*Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:* là phương pháp tính được giá vốn của hàng hóa xuất bán cuối ngày cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

$$\text{Giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế của hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+*Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:* theo phương pháp này, trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

-**Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):** là phương pháp được dựa trên giả định là hàng hóa được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn

cuối kỳ là những hàng hóa nhập sau. Vì vậy giá vốn hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hóa nhập trước.

-Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

***Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

***Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên:

- Bên Nợ:
 - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:
 - +Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.
 - +Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
 - +Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
 - +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
 - Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:
 - +Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
 - +Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;
 - +Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;

- +Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;
- +Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;
- +Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;
- +Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

- Bên Có:

- +Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

- +Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh của BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- +Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- +Trị giá hàng bán bị trả lại;

- +Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).

- +Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;

- +Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;

- +Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

- Bên Nợ:

- +Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

- +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số lập dự phòng năm nay lớn hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Bên Có:

- +Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

- +Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

○ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

- Bên Nợ:

+Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

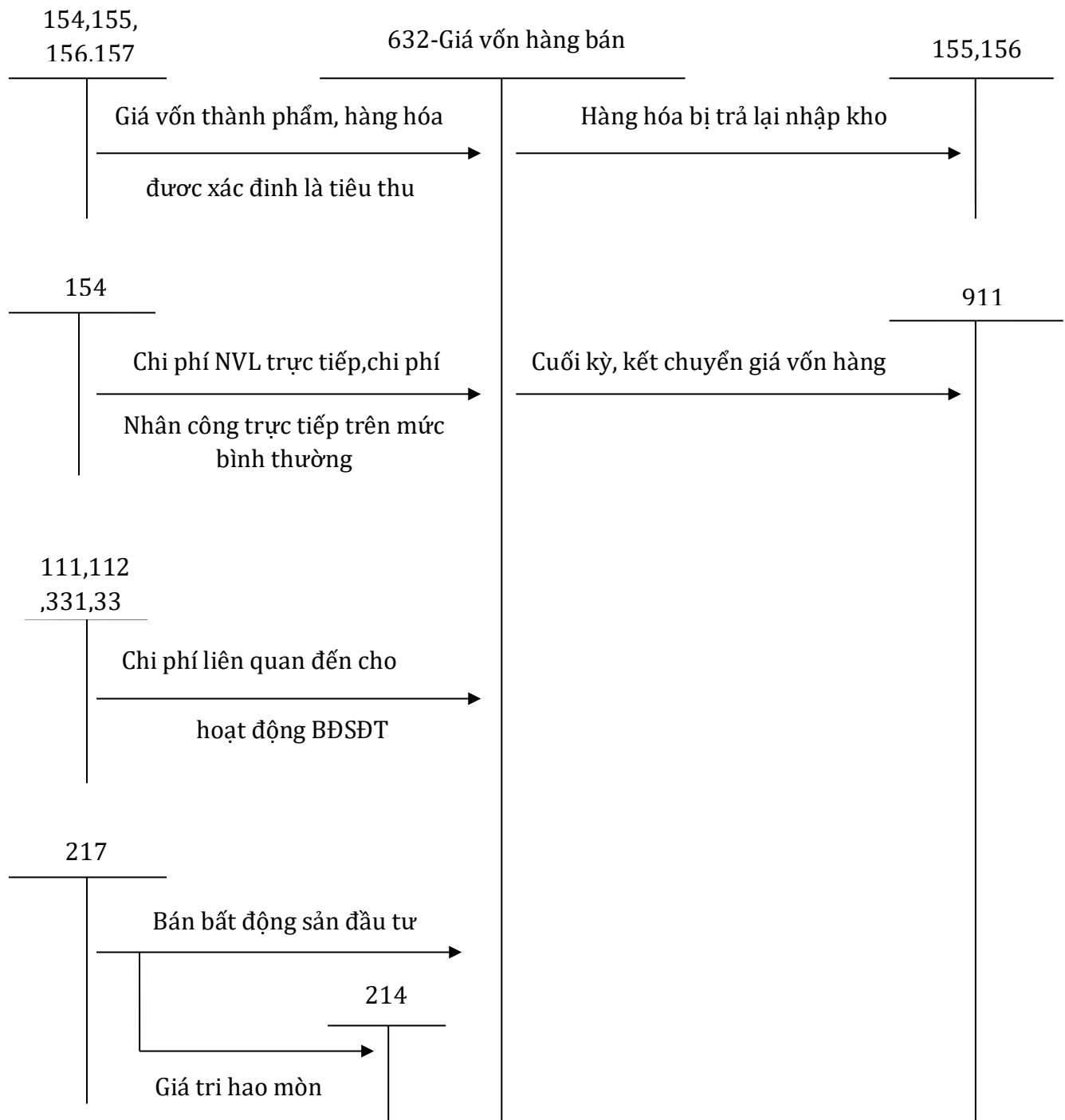
- Bên Có:

+Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;

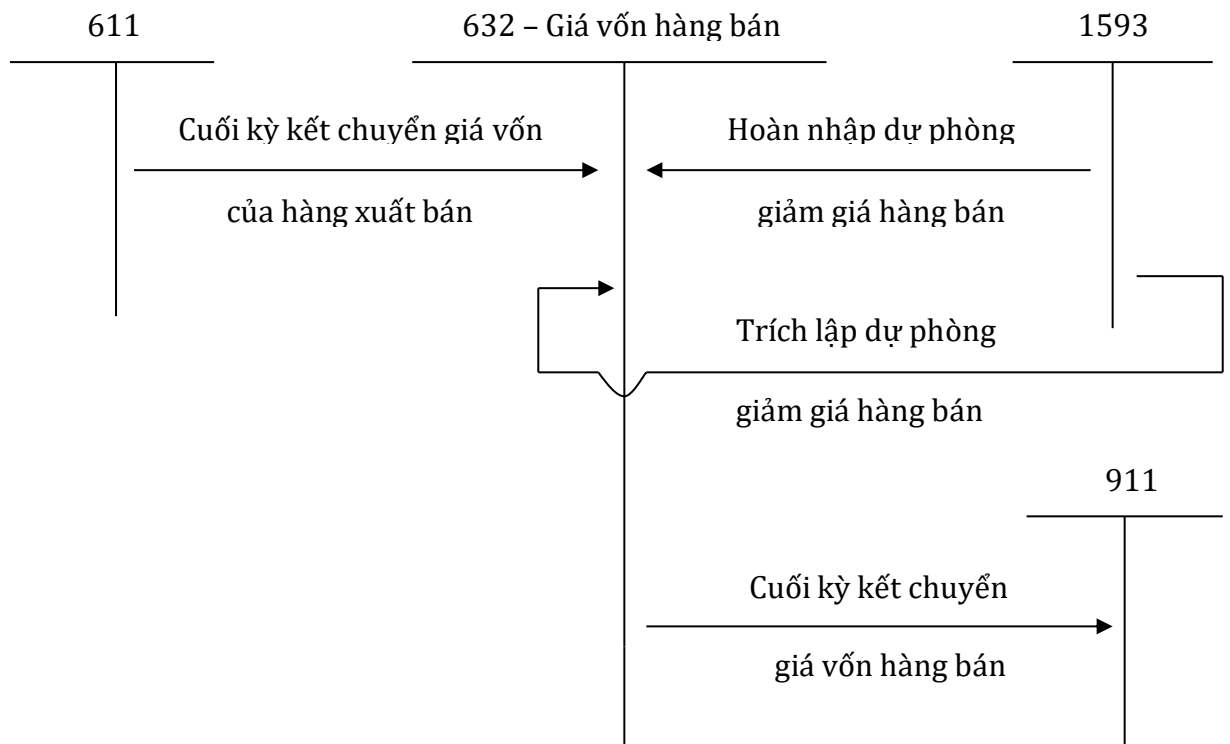
+Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

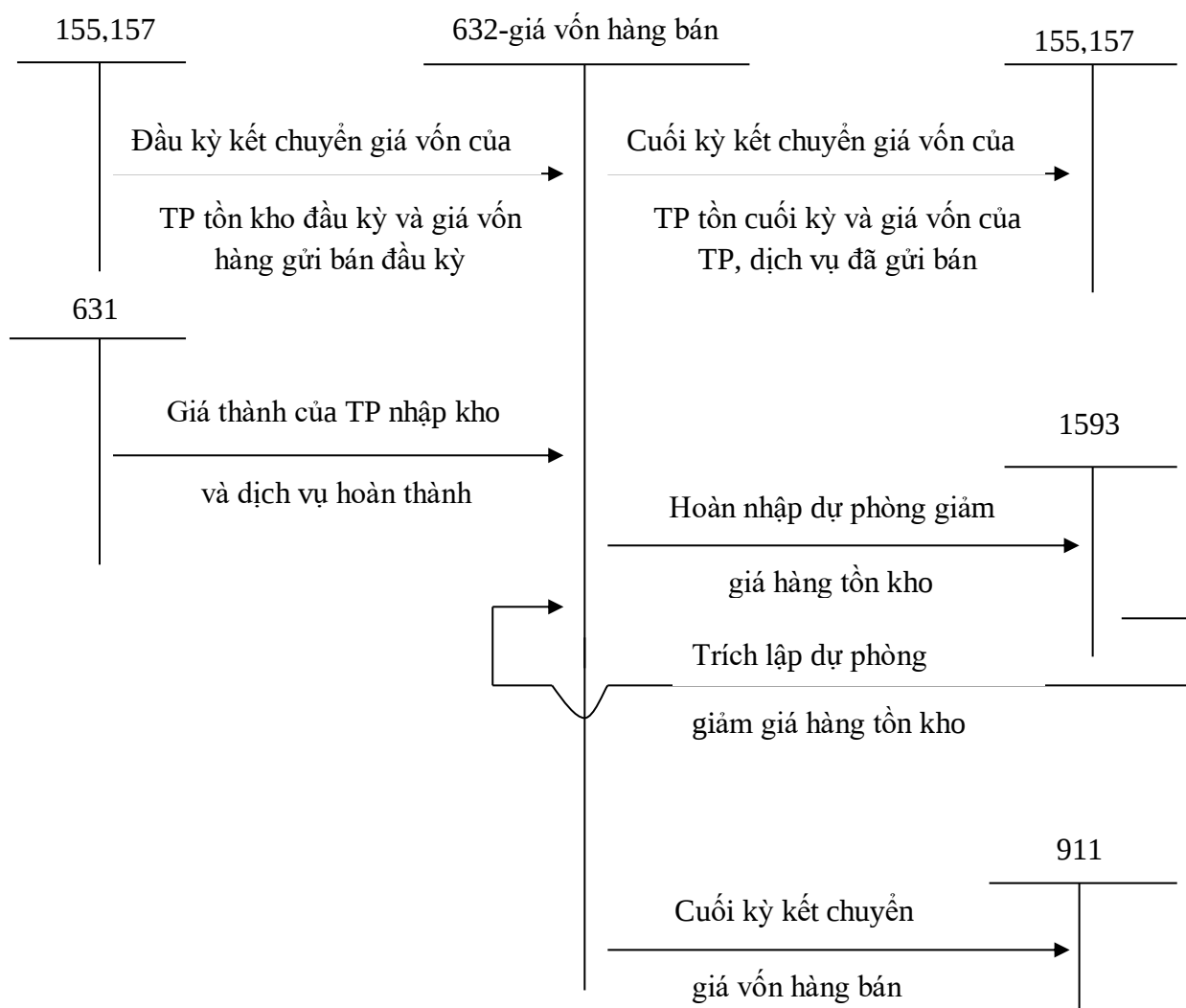
❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

***Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ

1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :

*Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ NVL, CCDC, bảng khấu hao TSCĐ.

*Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 642 dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
 - + Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lòn, tiền công, các khoản phụ

cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng ;chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...),bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng ; dịch vụ mua ngoài(điện, nước, điện thoại, fax,...) chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

+Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Nợ:

+Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;

+Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

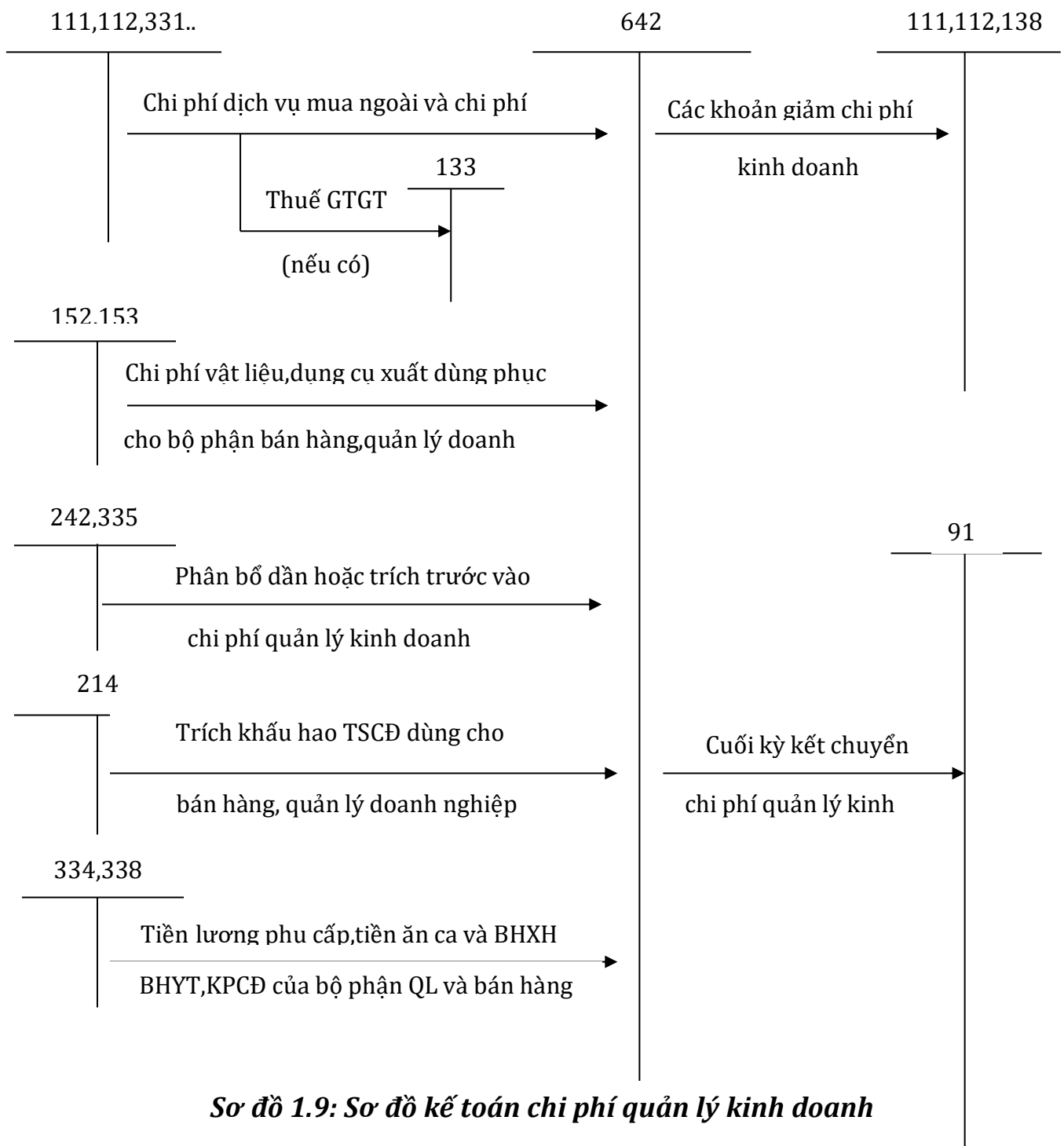
- Bên Có:

+Các tài khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;

+Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

***Phương pháp hạch toán:**

1.6. Nội dung kết toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan .

***Tài khoản sử dụng:**

❖ Tài khoản 515 dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

+Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng , lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

+Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;

+Thu nhập về hoạt động đầu tư mua , bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;

+Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

+Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

+Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- Bên Nợ:

+Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

+Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 –
“Xác định kết quả kinh doanh”

- Bên Có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

+Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;

+Chiết khấu thanh toán cho người mua;

+Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;

+Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;

+Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;

+Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

+Các khoản chi phí tài chính khác.

- Bên Nợ:

+Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;

+Trích lập dự phòng bổ sung giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

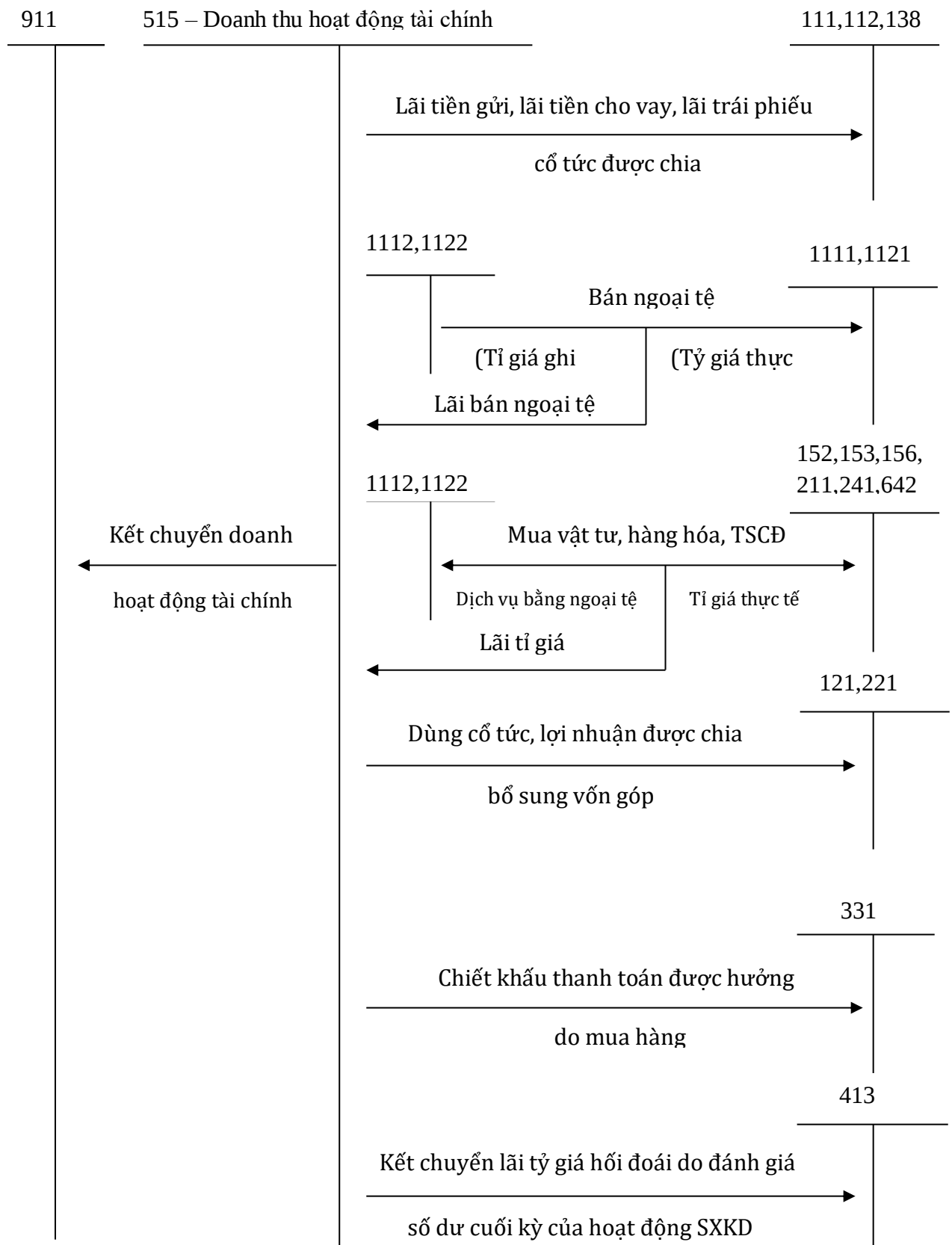
- Bên Có:

+Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

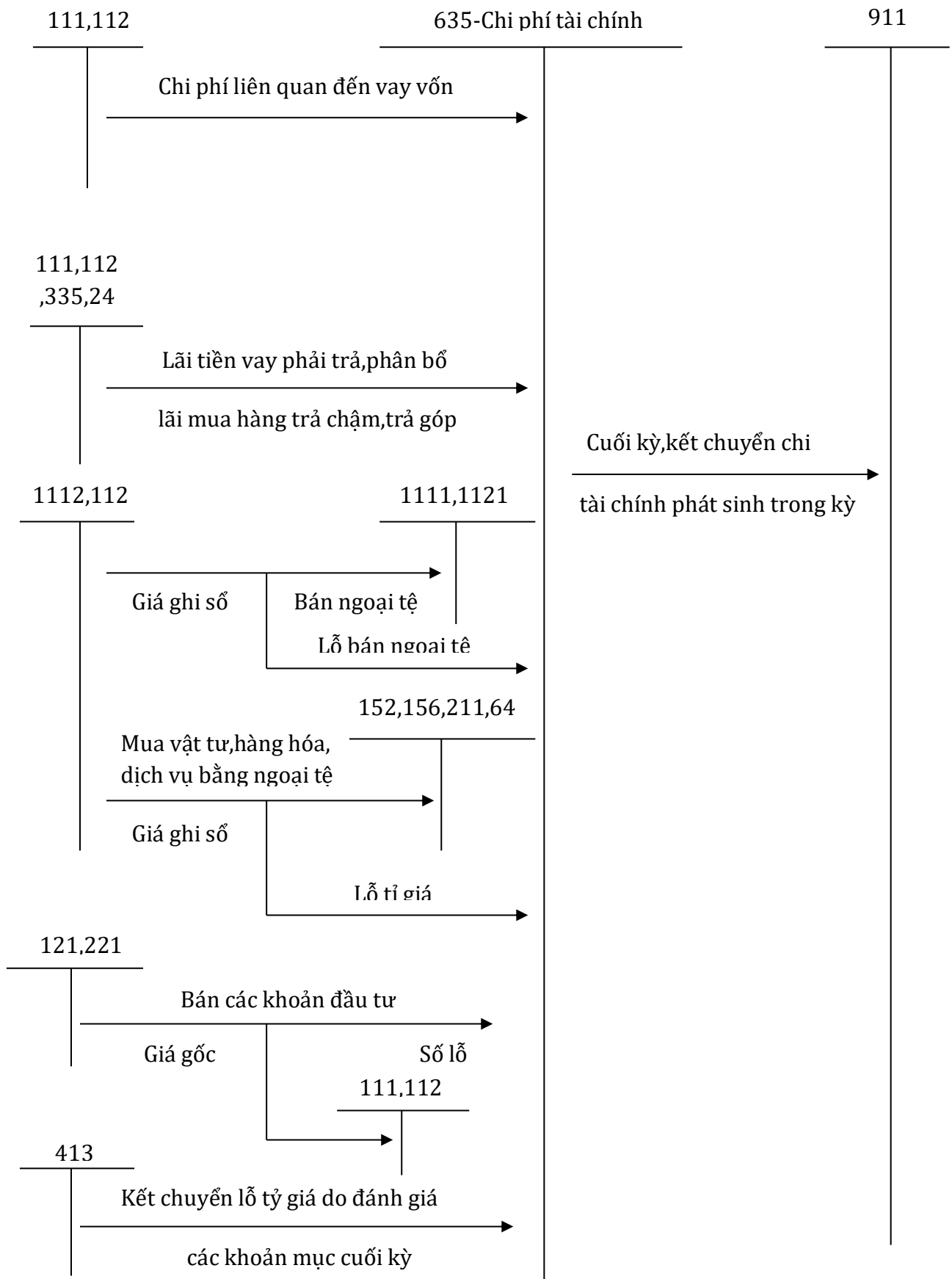
+Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;

+Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

***Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác:***Chứng từ sử dụng:**

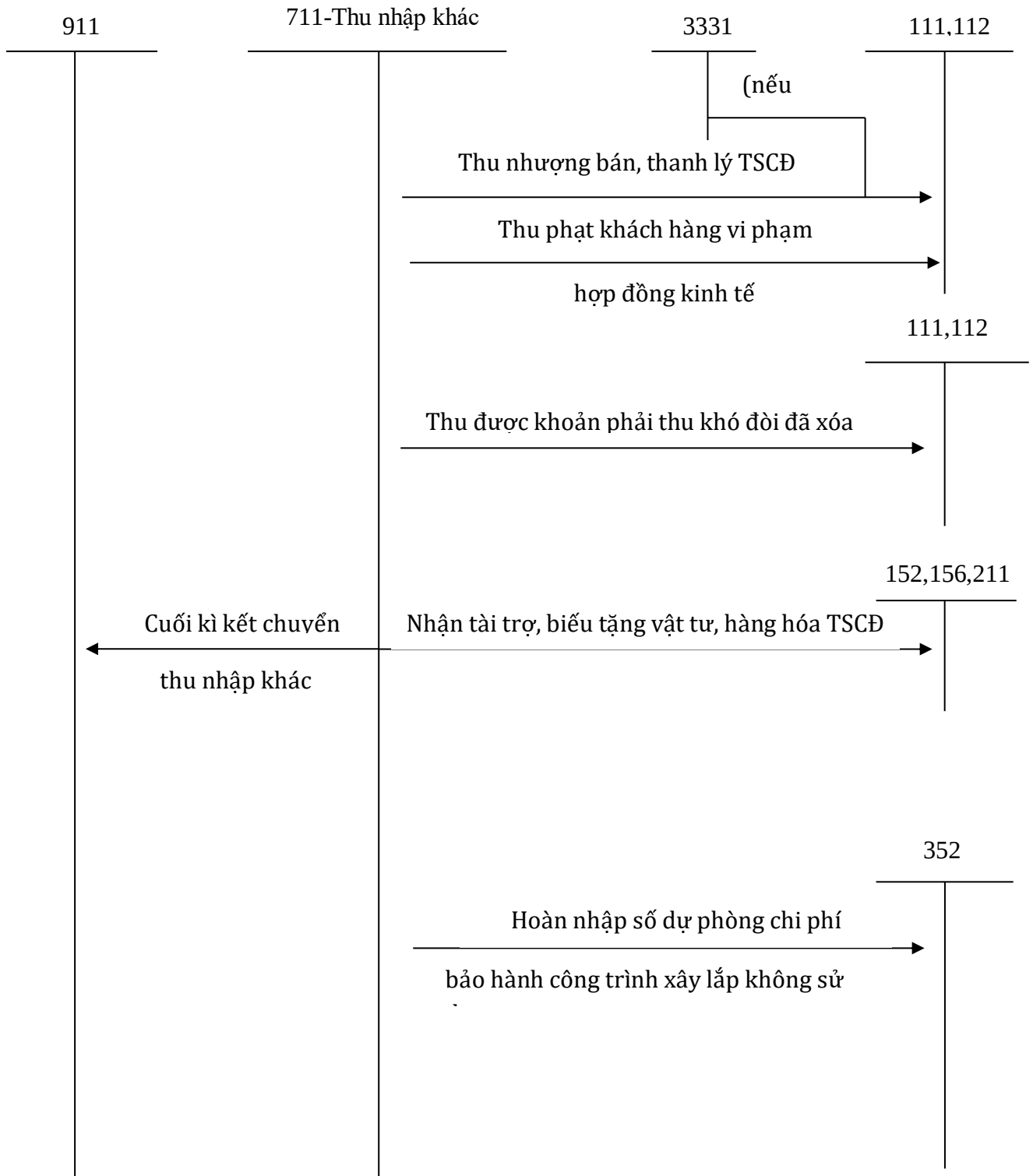
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi...
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn kinh doanh

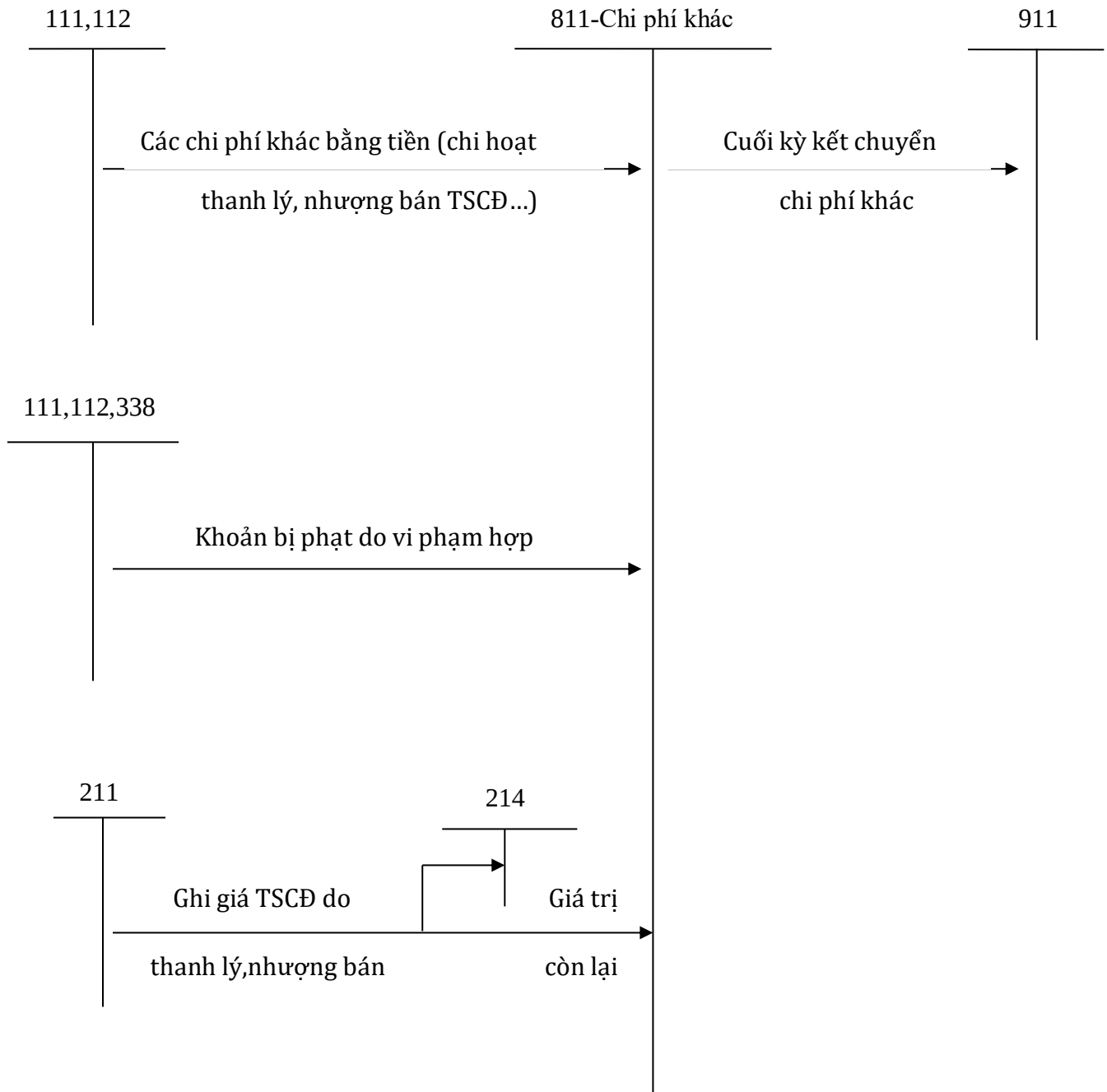
***Tài khoản sử dụng:**

❖ Tài khoản 711 dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- + Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVTM phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- + Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- + Giá trị số hàng khuyến mãi không phải trả lại nhà sản xuất;
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.
- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Bên Có:

- +Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.
 - ❖ Tài khoản 811 phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:
 - +Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ;
 - +Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia ra từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
 - +Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
 - +Giá trị còn lại TSCĐ bị thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
 - +Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa , TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
 - +Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
 - +Các khoản chi phí khác;
- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.
- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 ‘‘Xác định kết quả kinh doanh’’.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

***Phương pháp hạch toán***Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thu nhập hoạt động khác*



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

***Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

***Tài khoản sử dụng:**

❖ Tài khoản 911 dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

- Bên Nợ:

+Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

+Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

+Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

+Kết chuyển lãi.

- Bên Có:

+Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

+Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

+Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 821 dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Bên Nợ:

+Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm;

+Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.

- Bên Có:

+Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm;

+Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại;

+Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 421 dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2.

- Bên Nợ:

+Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

+Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;

+Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;

+Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Bên Có:

+Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;

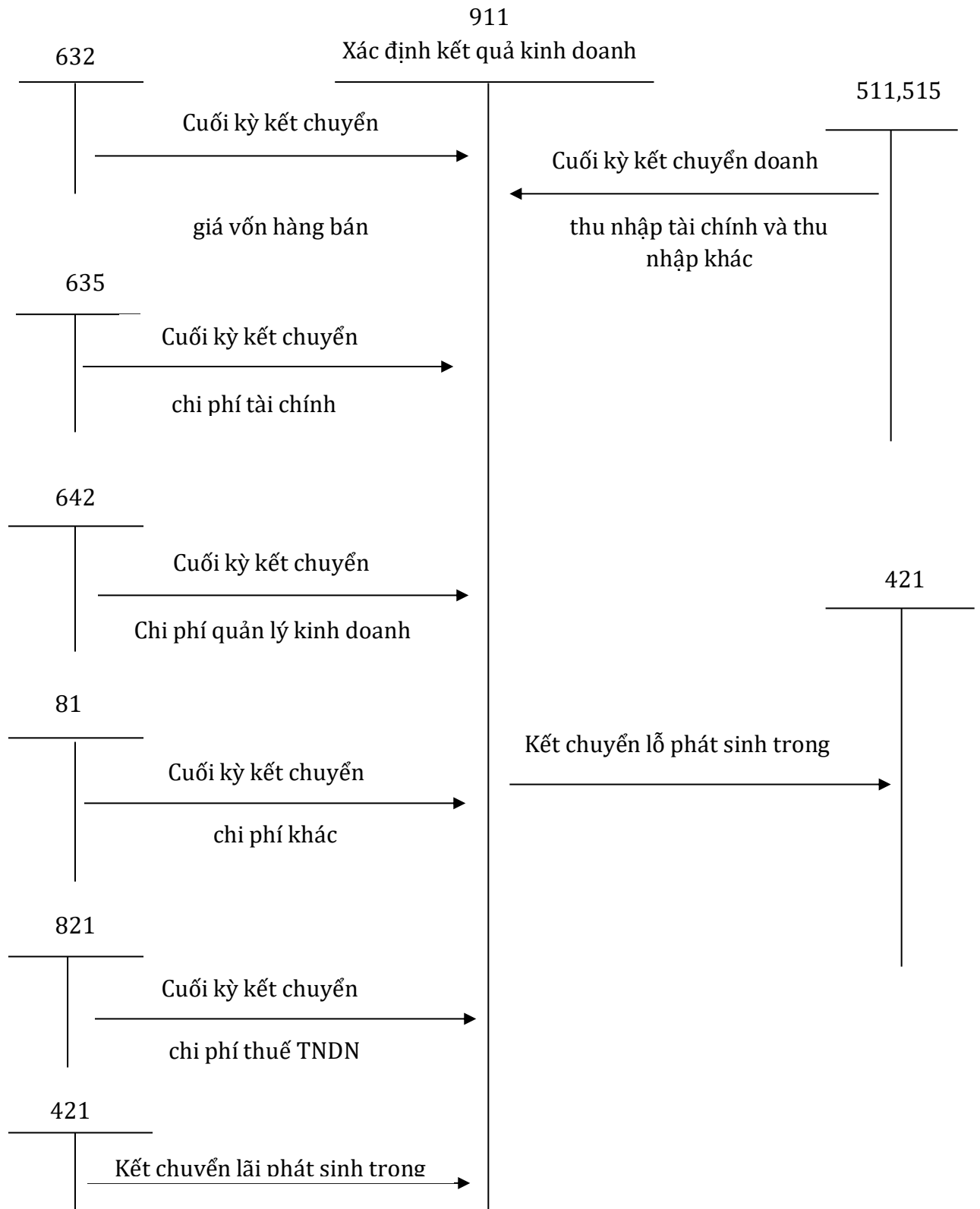
+Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;

+Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 421 có thể có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

+Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

+Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

***Phương pháp hạch toán:**

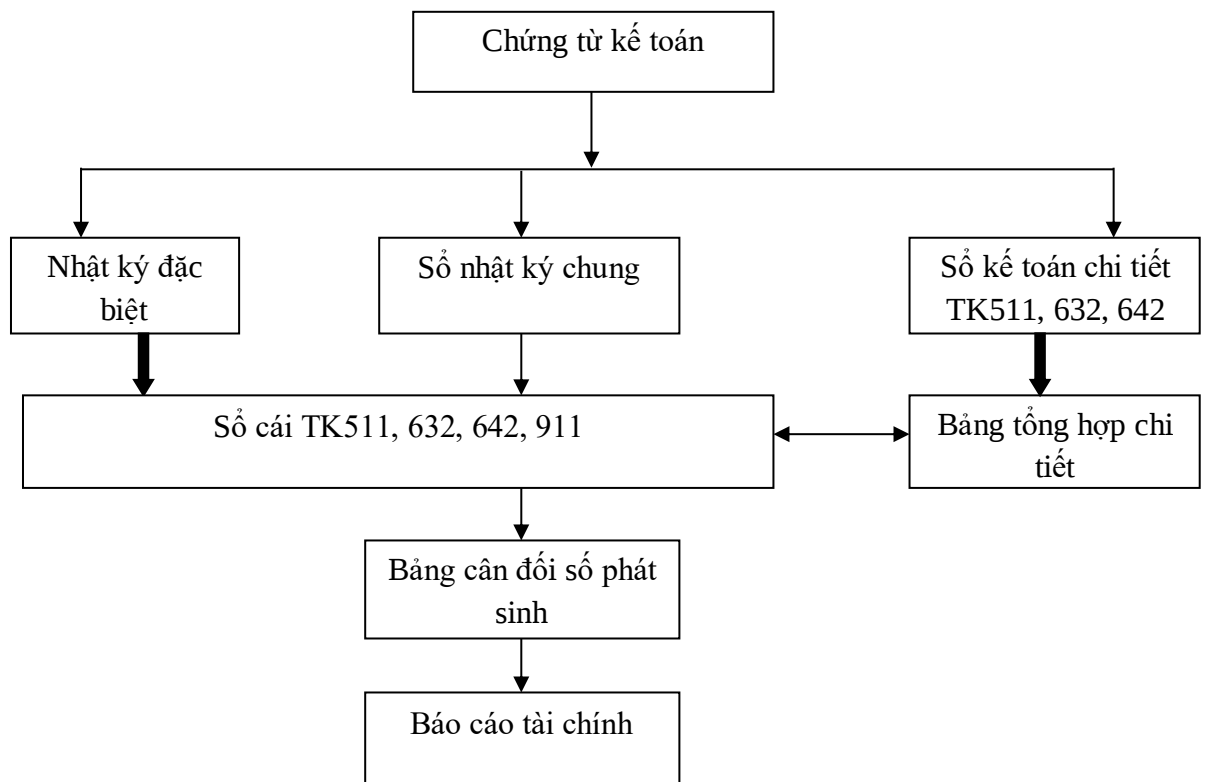
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo QĐ48/2006, doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau

a) Hình thức kế toán Nhật ký chung.

-Sơ đồ trình tự ghi sổ:

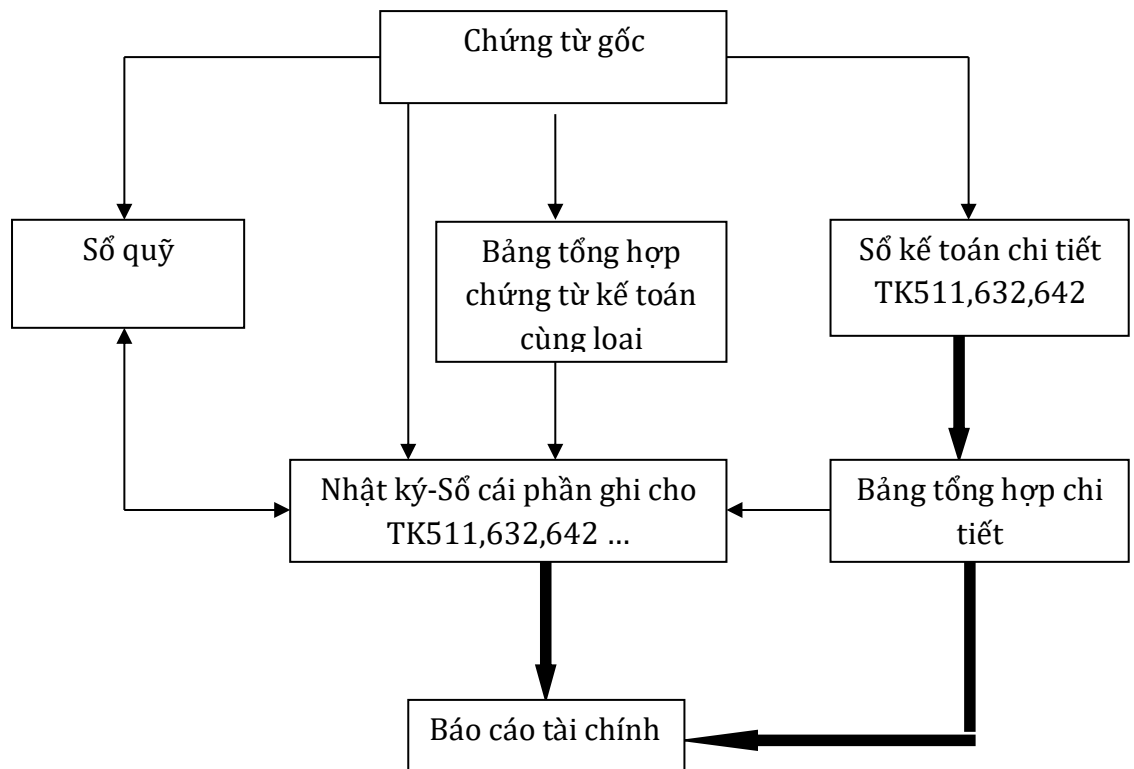


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

b) Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

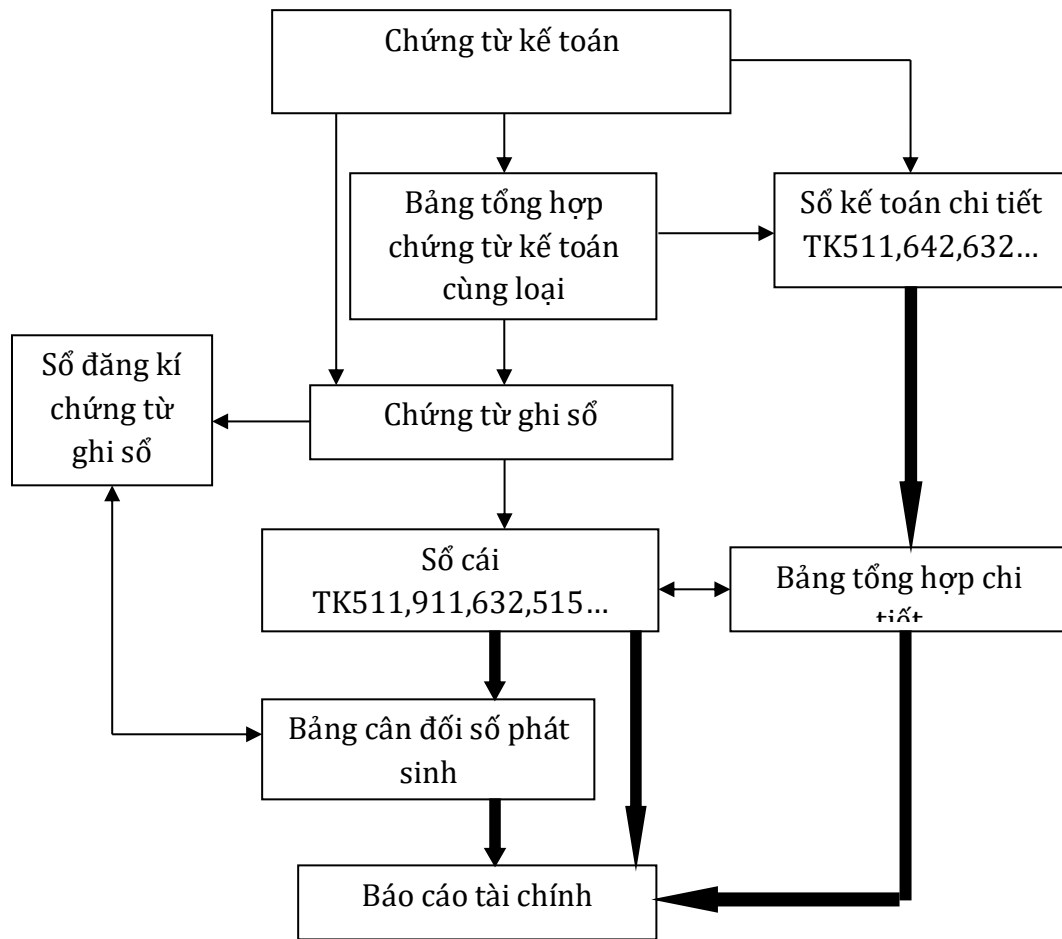


Ghi chú:

- Ghi chú hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

c) Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

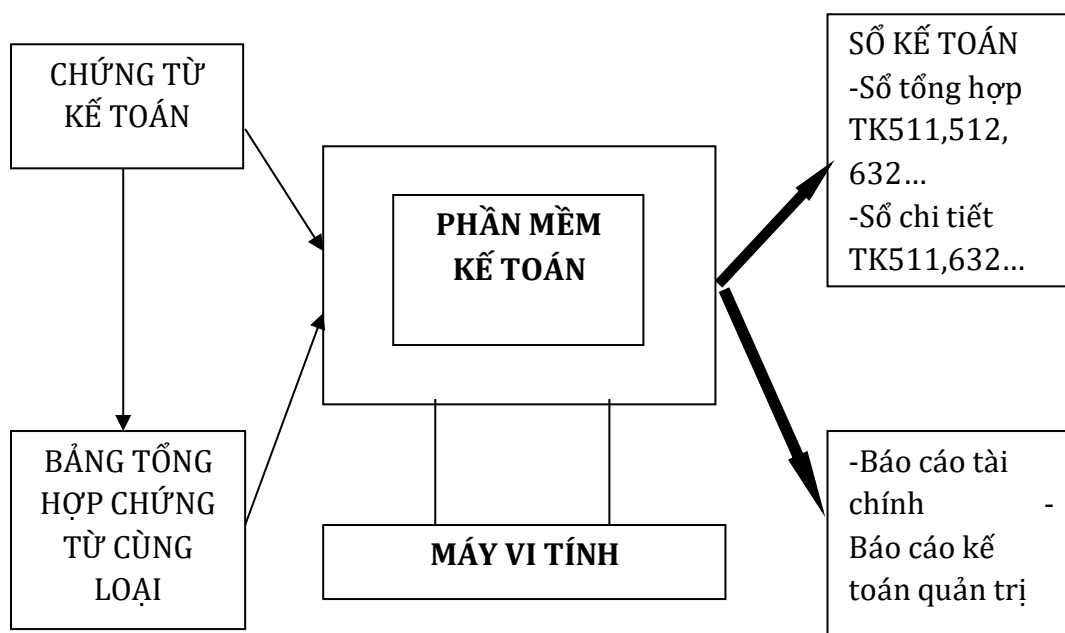


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

d) Hình thức kế toán máy.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.18: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy

1.10. So sánh điểm giống và khác nhau giữa thông tư 133/2016 và quyết định 48/2006:

Từ ngày 01/01/2017 Thông tư số 133/2016/TT-BTC sẽ thay thế cho Quyết định 48/2016 QĐ-BTC

1.10.1 Điểm giống nhau: Thông tư số 133/2016 và Quyết định 48/2006 đều áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với:

- Vốn điều lệ <10 tỷ
- Số lượng lao động bình quân trong năm: <300 người

1.10.2 Sự khác nhau giữa TT số 133/2016/TT-BTC và QĐ 48/2006/QĐ-BTC

a. Khác nhau về chứng từ và sổ kế toán:

- Thông tư 133: Doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định

- Quyết định 48: Doanh nghiệp xây dựng chứng từ và sổ kế toán theo những mẫu quy định trong Quyết định 48

b. Điểm khác về nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản

Thông tư 133:

- Chỉ quy định nguyên tắc kế toán
- Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng.
- Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định
- Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra
- Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu
- Doanh nghiệp Được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống...

Quyết định 48:

- Quy định chi tiết các bút toán định khoản
- Ghi sổ theo Đồng Việt Nam
- Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn GTGT hoặc Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Quy định rõ biểu mẫu BCTC và doanh nghiệp phải áp dụng.

c. Điểm khác trong hệ thống tài khoản thông tư 133 với quyết định 48

Thông tư 133	Quyết định 48
Tài Khoản đầu 1	
Không có	TK 1113, 1123: Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
TK 121: Chứng khoán kinh doanh - 1211: Cổ phiếu - 1212: Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	TK 121: Đầu tư tài chính ngắn hạn
TK 128: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - 1281: Tiền gửi có kì hạn- 1288: Đầu tư ngắn hạn khác	
TK 136: Phải thu nội bộ - 1361: Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc-	Không có

1368: Phải thu nội bộ khác	
TK 138: Phải thu khác-1381: Tài sản thiếu chờ xử lý - 1386: Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược -1388: Phải thu khác	TK 138: Phải thu khác-1381: Tài sản thiếu chờ xử lý -1388: Phải thu khác
Không có	TK 142: Chi phí trả trước ngắn hạn
TK 151: Hàng mua đang đi đường	Không có
Không có	TK 171: Giao dịch mua bán lại trái phiếu của Chính phủ
Tài khoản đầu 2	
Không có	TK 221: Đầu tư tài chính dài hạn - 2212: Vốn góp liên doanh - 2213: Đầu tư vào công ty liên kết - 2218: Đầu tư tài chính dài hạn khác
TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản-TK 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh - TK 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi - TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	TK 159: Các khoản dự phòng - 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn - 1592: Dự phòng phải thu khó đòi - 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho TK 229: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
TK 242: Chi phí trả trước	TK 242: Chi phí trả trước dài hạn
Không có	Tk 244: Ký quỹ, ký cược dài hạn
Tài khoản đầu 3	
Không có	TK 311: Vay ngắn hạn
Không có	TK 315: Nợ dài hạn đến hạn trả
TK 336: Phải trả nội bộ	Không có
TK 341: Vay và nợ cho thuê tài chính-TK 3411: Các khoản đi vay - TK 3412: Nợ thuê tài chính	TK 341: Vay, nợ dài hạn - 3411: Vay dài hạn - 3412: Nợ dài hạn - 3413: Trái phiếu phát hành + 34131: Mệnh giá trái phiếu + 34132: Chiết khấu trái phiếu + 34133: Phụ trội trái phiếu - 3414: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
TK 343: Trái Phiếu phát hành - 3431: Trái phiếu thường+ 34311: Mệnh giá trái phiếu+ 34312: Chiết khấu trái phiếu + 34313: Phụ trội trái phiếu - 3432: Trái phiếu chuyển đổi	
TK 344: Nhận ký quỹ, ký cược	
Không có	
TK 352: Dự phòng phải trả-3521: Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa - 3522: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng - 3523: Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp - 3524: Dự phòng phải trả khác	TK 351: Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm TK 352: Dự phòng phải trả (Không có tài khoản cấp 2)

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT TRƯỜNG HỌC
VÀ VĂN PHÒNG ANH ĐỨC****2.1. Giới thiệu về công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:****2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:*****a. Giới thiệu công ty:**

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT TRƯỜNG HỌC VÀ VĂN PHÒNG ANH ĐỨC

- Tên tiếng anh: **ANH DUC OFFICE AND SCHOOL FURNITURE
TRADE PRODUCTION LIMITED COMPANY**

- Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng

- Điện thoại: 0313.677006

- Mã số thuế: 0201310890

- Người ĐDPL: Bùi Thị Bội

- Ngày hoạt động: 10/09/2013

- Loại hình pháp lí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Lĩnh vực: Kinh doanh nội thất trường học và văn phòng

-Vốn điều lệ: 500.000.000 (năm trăm triệu đồng)

b. Đặc thù và lĩnh vực hoạt động:

- Bán buôn, bán lẻ các nội thất trường học và văn phòng.

- Nhận lắp đặt sửa chữa các trang thiết bị trường học và văn phòng.

c. Quá trình phát triển của công ty

Công ty sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức được thành lập bởi giám đốc Bùi Thị Bội vào ngày 10 tháng 9 năm 2013. Nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cũng như nhu cầu thị trường hiện nay công ty chuyên cung cấp và lắp đặt nội thất trường học và văn phòng theo đơn đặt hàng, công ty đã và đang làm những dự án lắp đặt mới, sửa chữa các trang thiết bị bàn ghế, bảng tử... với đội ngũ lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề, đảm bảo uy tín chất lượng, giá thành hợp lý, các thành viên trong công ty và công nhân đều lành nghề, giỏi về kỹ thuật - mỹ thuật; các loại nguyên vật liệu trước khi đưa vào lắp đặt đều đã được sử lý qua các chi tiết lỗi và đảm bảo chất lượng đúng với những gì doanh nghiệp đề ra.

*Phương châm hoạt động: “ thỏa mãn yêu cầu của khách hàng đem lại cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất với sự phục vụ chuyên nghiệp nhất”

*Năng lực trang thiết bị: mặc dù thời gian thành lập chưa lâu nhưng công ty luôn có những máy móc thiết bị tân tiến với công suất cao

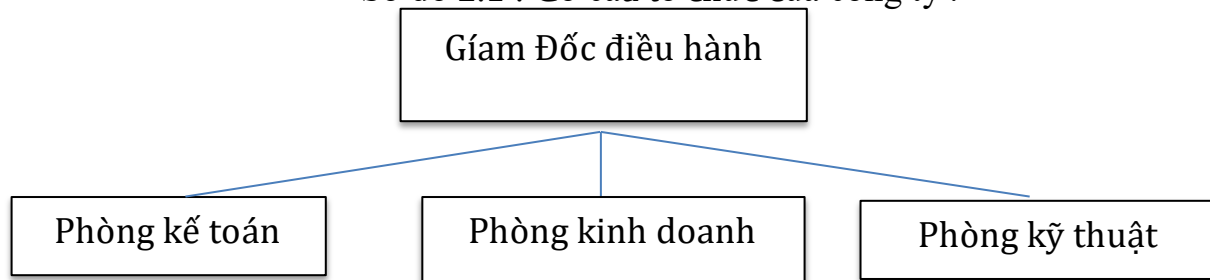
*Chiến lược phát triển của công ty:

-Năm 2013: Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý, phấn đấu thiết lập đầy đủ điều kiện để xây dựng công ty phát triển mạnh về thị trường nội thất trường học và văn phòng... Kết hợp với xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp nhằm ổn định cơ sở vật chất , phúc lợi của công ty.

-Năm 2016: Xây dựng thương hiệu công ty sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức thành công ty mạnh và mở rộng hoạt động thêm các ngành nghề kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển công ty

c. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty :

Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức của công ty :



Công ty sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được giám đốc ban hành và thông qua. Cơ cấu bộ máy của công ty khá đồng bộ và hoàn chỉnh. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo cơ cấu trực tuyến chức năng. Đó là sự điều hành có kế hoạch, các mối quan hệ qua lại giữa chủ thể quản lý với từng đối tượng quản lý nhằm phát huy thế mạnh tổng hợp của công ty nhưng không tách rời những nguyên tắc, chính sách và quy định của Nhà nước.

● Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban trong công ty như sau:

+ **Giám đốc điều hành:** là người đứng đầu chịu trách nhiệm cho toàn bộ nghĩa vụ và quyền lợi của công ty trước pháp luật. Giám đốc là người chịu trách nhiệm chung về tình hình sản xuất và kinh doanh của công ty. Trực tiếp phụ trách khâu kế hoạch tài chính kế toán, tổ chức lao động trong công ty và là người quyết định mọi phương thức kinh doanh và hoạt động của công ty.

- Quyết định các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền.

- Ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.
- Lập các phương án cơ cấu tổ chức Công ty.
- Tuyển dụng lao động.

+ Phòng Kế toán:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu chi tài chính: tháng, quý, năm; giám sát toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của Công ty theo quy định của Pháp luật kế toán thống kê Nhà nước đã ban hành.

- Quản lý vốn và tài sản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh – dịch vụ. Tham mưu các giải pháp bảo toàn và phát triển vốn. Nghiên cứu, đề xuất các phương thức đổi mới và quản lý kinh tế.

- Hạch toán kế toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh – dịch vụ của Công ty, phân tích hoạt động kinh tế và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động tài chính kế toán theo quy định hiện hành.

- Tham gia xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức sử dụng phương tiện, hàng hóa. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu tài chính trong nội bộ Công ty.

- Theo dõi việc mua, bán, xuất – nhập hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh – dịch vụ của công ty. Thực hiện công tác kiểm kê định kỳ, kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

- Lưu trữ và bảo quản các tài liệu liên quan đến các mặt hàng công tác và nghiệp vụ của phòng theo quy định của pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm bảo mật các tài liệu đó.

- Tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật chế độ chính sách, pháp luật về công tác Tài chính doanh nghiệp để áp dụng cho phù hợp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, điều động của Giám đốc công ty.

- Làm sổ sách theo dõi chi tiết, lập báo cáo trung thực, rõ ràng.

+ Phòng kỹ thuật:

- Tổ chức lập hồ sơ dự thầu, thi công, giám sát, quản lý chất lượng các công trình, tiếp thị, đấu thầu, quản lý các hợp đồng sửa chữa và các hoạt động kinh doanh.

- Theo dõi thị trường và lập các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn cho Công ty.

- Quản lý máy móc, thiết bị, hàng hóa trong quá trình thu mua, bảo quản và sử dụng ; quản lý tài sản dùng trong công tác quản lý.

- Cung cấp thông tin về giá cả hàng hóa trên thị trường giúp Công ty có kế hoạch nhập, xuất, dự trữ vật tư một cách hợp lý.

+ **Phòng kinh doanh:**

- Thực hiện các nhiệm vụ chào bán tư vấn sản phẩm cho khách hàng
- Tư vấn và các dịch vụ chăm sóc sau bán hàng
- Khảo sát nhu cầu của thị trường

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh :

❖ **Các ngành nghề kinh doanh:**

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, quầy thu tiền, giá trưng bày, kệ, ngăn, giá, đồ văn phòng bằng gỗ, đồ nhà bếp bằng gỗ, đồ gỗ phòng ngủ, phòng khách, đồ gỗ trường học
4649 (Chính)	Bán buôn đồ dùng nội thất văn phòng, trường học Chi tiết:, Tủ, bàn, ghế, giá sách, kệ sách, tủ, bảng, trống, xe đựng rác, thùng đựng rác
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Thiết bị phòng cháy, chữa cháy, tủ, bàn, ghế văn phòng
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Sắt, thép
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, ống nhựa và phụ kiện, bồn nước, van, vòi nước, cửa nhựa, nẹp nhựa, ván nhựa
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh

nghề kinh doanh	
3100	Sản xuất tủ, bàn, ghế, băng và các thiết bị văn phòng. Chi tiết: Sản xuất tủ, bàn, ghế, quầy thu tiền, giá trưng bày, kệ, ngăn, giá, đồ văn phòng bằng gỗ, đồ nhà bếp bằng gỗ, đồ gỗ phòng ngủ, phòng khách, đồ gỗ trường học

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

a. Những thuận lợi của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

Hiện nay nhu cầu sử dụng về nội thất trường học và văn phòng tăng khá cao nên việc kinh doanh hay đi sâu vào lĩnh vực này cũng không gặp nhiều khó khăn.

Công ty TNHH thương mại sản xuất nội thất trường học và văn phòng Anh Đức qua 4 năm hoạt động với tiêu chí đưa chất lượng lên hàng đầu. Tuy công ty có quy mô vừa và nhỏ nhưng đã để lại uy tín với các chủ đầu tư qua các sản phẩm mà công ty đã cung cấp cho thị trường từ khi thành lập cho tới nay.

Không những thế, đội ngũ cán bộ, công nhân có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc cũng như có kinh nghiệm trong nghề đã tạo được uy tín cũng như sự tin cậy với khách hàng.

b. Những khó khăn của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

Với xu thế hội nhập và phát triển của đất nước như hiện nay, sản xuất tăng trưởng ngày càng cao, kéo theo sự gia tăng về số lượng cũng như chất lượng của các công ty thương mại, tạo nên sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt trên thị trường.

Về tài chính. Vấn đề tài chính luôn là khó khăn chung đối với các doanh nghiệp, nhất là với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Giá cả mẫu mã và chất lượng hàng hóa nhập vào luôn thay đổi do đó phải quản lý chặt chẽ khâu thu mua để chọn lựa được sản phẩm tốt giá cả phải chăng và đáp ứng được thị yếu của khách hàng.

2.1.4 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

2.1.4.1 Chính sách áp dụng tại công ty:

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

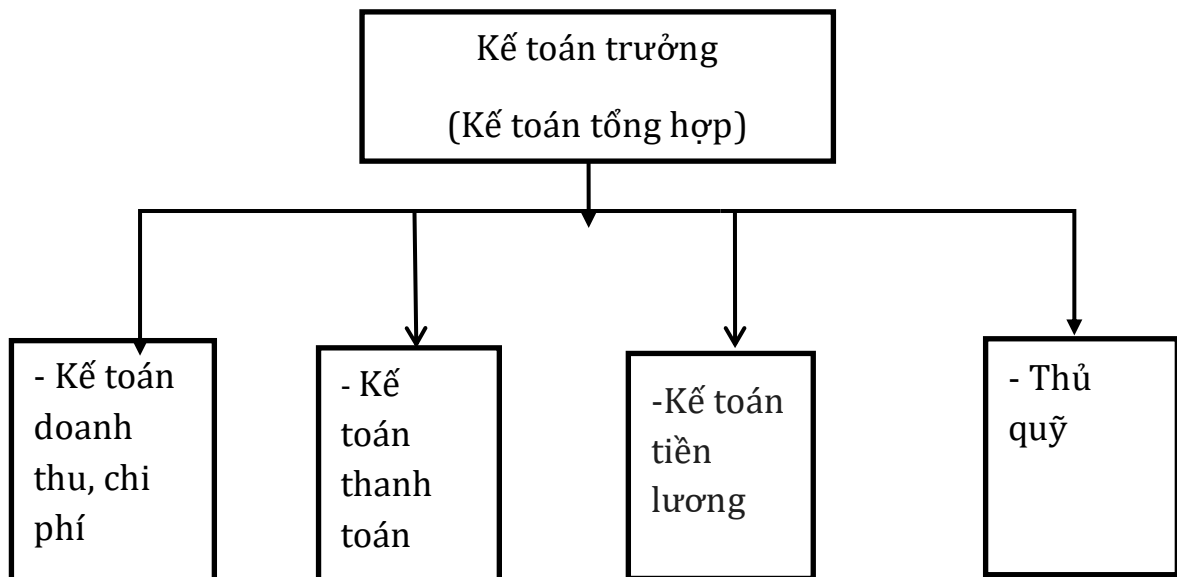
- **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
- **Đơn vị tiền tệ** mà công ty sử dụng trong ghi chép kế toán, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ – Đồng Việt Nam (VND).
- **Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:** Theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.
- **Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho:** Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.2. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công tác kế toán của Công ty được vận dụng theo chế độ tài chính kế toán Nhà nước quy định. Phòng kế toán trực tiếp thu thập, xử lý các thông tin tài chính của Công ty sau đó đưa lên cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc lấy các thông tin đó làm căn cứ tin cậy để đưa ra những quyết định quản lý.

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, yêu cầu và trình độ quản lý, công ty áp dụng việc tổ chức kế toán theo kiểu tập trung, với cơ cấu sau đây:

Mô hình kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán tại công ty

Qua sơ đồ trên ta thấy:

Kế toán trưởng:

- **Kế toán trưởng** là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.

- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin và hạch toán kế toán, tài chính của công ty.

- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.

- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên.

- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.

- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp không phù hợp với chế độ quy định.

- Được tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.

Tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kiểm tra lại hạch toán của kế toán viên.

- Lập các báo cáo theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,....

- Nộp tiền thuế Môn bài, tờ khai thuế môn bài và tiền thuế môn bài,..

Tổng hợp toàn bộ kết quả kinh doanh, lập thống kê kết quả kinh doanh vào tháng, quý, năm **Kế toán tiền lương :**

-Theo dõi tình hình tăng giảm tiền mặt tại đơn vị . Căn cứ vào chứng từ do các bộ phận chức năng yêu cầu để làm phiếu thu , chi tiền mặt , cuối tháng cùng với thủ quỹ và giám đốc , kế toán trưởng kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết .

Kế toán thanh toán:

-Theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của tiền mặt (TK 111), và tiền gửi ngân hàng (TK 112). Khi có chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt và

tiền gửi ngân hàng với sổ của thủ quỹ và sổ phụ ngân hàng, thì kế toán phải tìm hiểu nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời. Căn cứ vào chứng từ như hóa đơn của bên bán, phiếu tạm ứng để lập thành lập thành lệnh thu và chi thanh toán các khoản nợ với khách hàng bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng.

Kiểm soát chứng từ đầu vào sao cho (hợp lệ, hợp pháp, hợp lý), để được tính chi phí hợp lý.

- Liên hệ với ngân hàng để làm việc (về rút tiền, trả tiền, lấy sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan đến ngân hàng).

- Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Ban Giám Đốc.

- Thực hiện công việc thanh toán nội bộ, thanh toán ngân hàng, bảo hiểm xã hội, tiền lương công nợ.

Kế toán doanh thu, chi phí:

- Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thực hiện trong kỳ.

- Lập phương án xử lý các trường hợp công nợ khó đòi bằng các nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.

- Hỗ trợ báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty. **Thủ quỹ:**

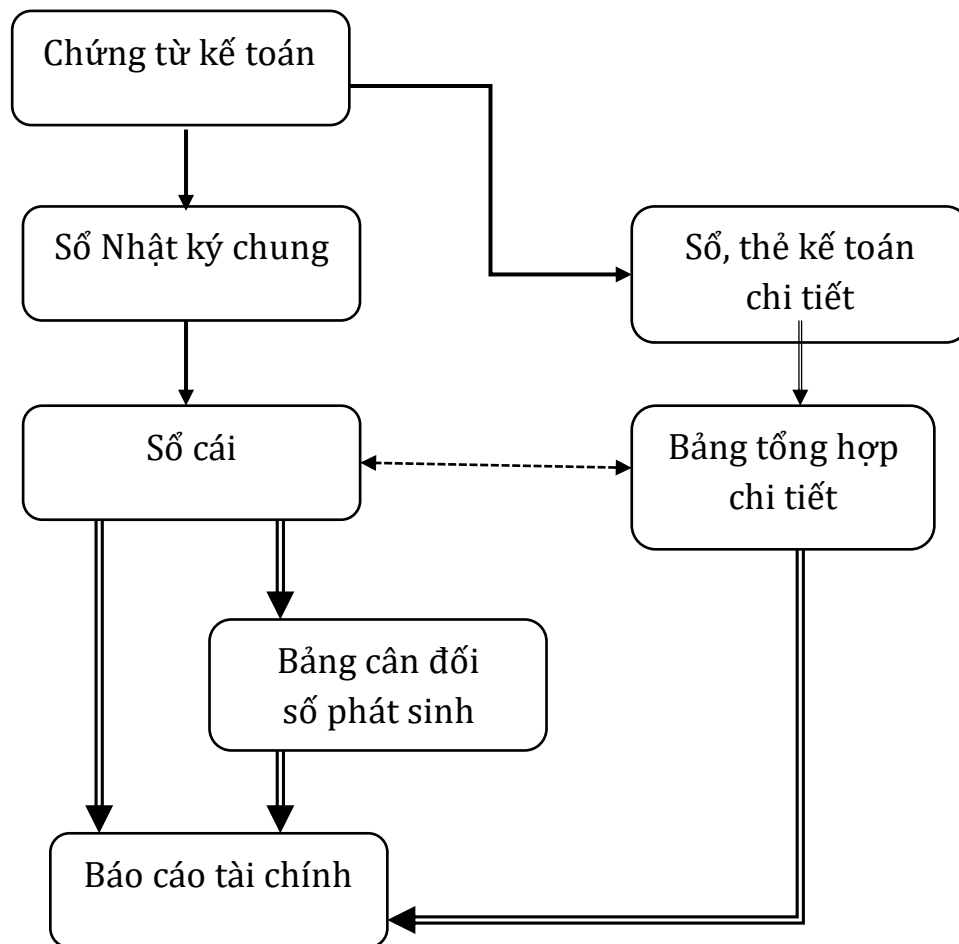
- Thủ quỹ là người trợ giúp Kế toán trưởng trong việc kiểm soát và định hướng các vấn đề liên quan đến thu và chi tiền mặt trong khách sạn.

- Kiểm tra các phiếu, vé, hóa đơn, chứng từ thanh toán của cá nhân cán bộ công nhân viên hoặc tập thể, thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng chế độ, chính sách quy chế của công ty.

- Mở sổ cập đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, thực hiện kiểm quỹ cuối ngày, làm báo cáo thu, chi, tồn quỹ đúng nghiệp vụ quy định.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý kho văn phòng phẩm của công ty

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống báo cáo:

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng

2.2.1.2 *Sổ sách sử dụng*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511, 111, 112, 131,...

2.2.1.3 *Tài khoản sử dụng*

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

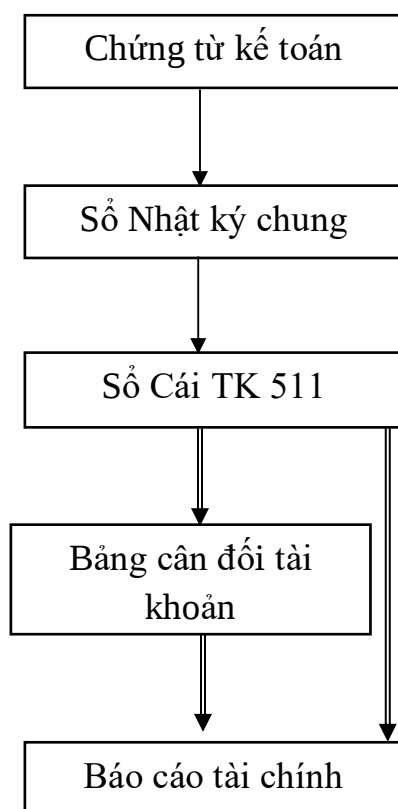
2.2.1.4. *Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty*

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại của công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

2.2.1.5. Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1 : Ngày 03/3/2016 xuất bán tủ gỗ cho trường THCS Quang Trung. Trị giá 70.070.000 đồng(chưa thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000025 (**biểu 2.1**), kế toán ghi vào Nhật kí chung **biểu 2.4**) từ nhật ký chung vào sổ cái(**biểu số 2.5**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 2 : Ngày 05/3/2016 xuất bán 2 cái bàn từ xanh cho trường THPT Hải An. Trị giá chưa thuế VAT 10% là 4.600.000 đồng. KH đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000027 (**biểu số 2.2**), phiếu thu số 72 (**biểu số 2.3**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 2.4**) từ nhật ký chung vào sổ cái(**biểu số 2.5**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000025 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 03 tháng 03 năm 2016	Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000025				
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức Mã số thuế: 0201310890 Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng Điện thoại: Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Trường THCS Quang Trung Mã số thuế: 2700645198 Địa chỉ: Phố Chu Văn An - Phường Nam Bình - Thành phố Ninh Bình - Ninh Bình.. Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Tủ gỗ văn phòng	cái	20	3.503.500	70.070.000
Cộng tiền hàng:					70.070.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		7.007.000
Tổng cộng tiền thanh toán					77.077.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.2 : HDGTGT số 0000027 (Nguồn:Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 05 tháng 03 năm 2016	Mẫu số: GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000027				
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức Mã số thuế: 0201310890 Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng Điện thoại: Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Trường THPT Hải An Mã số thuế: 27053412590 Địa chỉ: Phường Nam Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Bảng từ xanh	cái	2	2.300.000	4.600.000
Cộng tiền hàng:					4.600.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		460.00
Tổng cộng tiền thanh toán					5.060.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.3: Phiếu thu (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Công ty TNHH sản
xuất thương mại nội thất
trường học và văn phòng Anh
Đức
Địa chỉ: 69/78/430 Trần
Nguyễn Hãn - Lê Chân -
Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU

Số: 072

Ngày 05 tháng 03 năm 2016

Họ và tên người nộp tiền: Lê Văn Nam

Địa chỉ: Trường THPT Hải An

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua hàng.

Số tiền: 5.060.000 (Viết bằng chữ): Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn
đồng . Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 5 tháng 03 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	trưởng	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)
	(ký, họ tên)			

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn
đồng .

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất

Mẫu số S03a-DNNthương mại nội thất trường học và văn
phòng Anh Đức(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn -
Lê Chân - Hải Phòng**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
....					
PC68/3	2/3/2016	Nộp tiền vào TK	112	100.000.000	
			1111		100.000.000
...	...	..	...	...	...
HĐGTGT 0000025	03/3/2016	Xuất hàng bán cho trường THCS Quang Trung	131	77.077.000	
			511		70.070.000
...	...	...	...	...	...
HĐGTGT 0000035 PT72	05/3/2016	Bán hàng cho trường THPT Hải An	111	5.060.000	
			511		4.600.000
			3331		460.000
.....					
		Cộng phát sinh		3.055.268.890	3.055.268.890

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5 :Trích Sổ cái 511 năm 2016 (Nguồn:Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vi: Cty TNHH SX TM nội thất trường học và văn

phòng Anh Đức

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê

Chân - Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu:511

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...	...	...	...	...		
03/03	HĐGTGT 0000025	03/03	Bán hàng cho trường THCS Quang Trung	131		70.007.000
05/03	HĐGTGT 0000027	05/03	Bán hàng cho trường THPT Hải An	111		4.600.000
...	...					
			Cộng số phát sinh			74.607.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:*

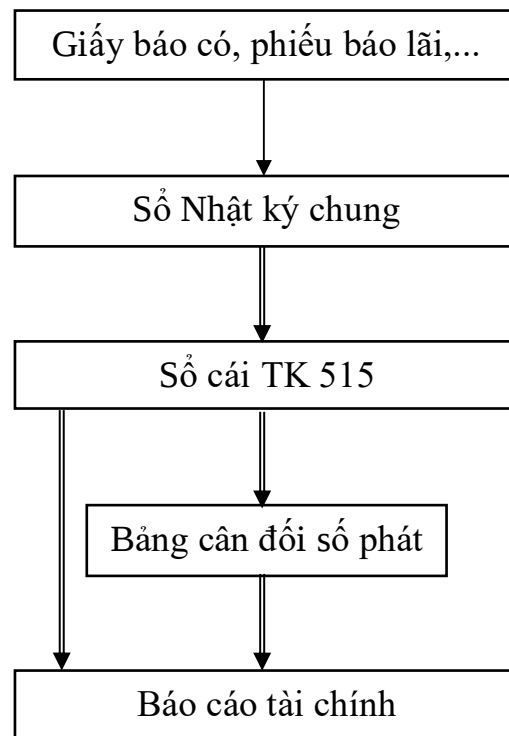
2.2.2.1. *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- ...

2.2.2.2. *Tài khoản sử dụng*

-TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.2.3. *Trình tự ghi sổ*



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

2.2.2.4. *Ví dụ minh họa*

*Ví dụ minh họa:

Ngày 25/03/2016, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 25.890 đồng.

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (**Biểu số 2.6**) kế toán ghi sổ

Nhật ký chung (**Biểu số 2.7**)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.8**)

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.6 : Giấy báo có (Nguồn:Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Viettinbank

Mã GDV

Mã KH

So GD

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/3/2016

Kính gửi: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

Mã số thuế: 0201310890

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Sổ tài khoản ghi có:

Số tiền bằng số: 2.890 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai nghìn tám trăm chín mươi đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 3

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.7 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2016 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương
mại nội thất trường
học và văn phòng Anh Đức
Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê
Chân - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
25/3	GBC	25/9	Lãi tiền gửi T3 ngân hàng ViettinBank	11211	2.890	
				515		2.890
						
25/4	GBC	25/10	Lãi tiền gửi T4 ngân hàng ViettinBank	11212	2.709	
				515		2.709
						
25/5	GBC	25/11	Lãi tiền gửi T5 ngân hàng ViettinBank	11211	2.089	
				515		2.089
						
			Cộng phát sinh		3.055.268.890	3.055.268.890

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ cái 515 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Cty TNHH SX TM nội thất trường học
và văn phòng Anh Đức

Địa chỉ: : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê
Chân - Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-
BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

SHTK: 515

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...
25/3	GBC	Lãi tiền gửi T3			11211		2.890
25/4	GBC	Lãi tiền gửi T4			11211		2.709
25/5	GBC	Lãi tiền gửi T5			11211		2.089
...	...	...	...	...	...	...	...
25/12	GBC	Kc doanh thu hoạt động tài chính			911	24.257	
		Cộng ps				24.257	24.257
		SDCK					

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho

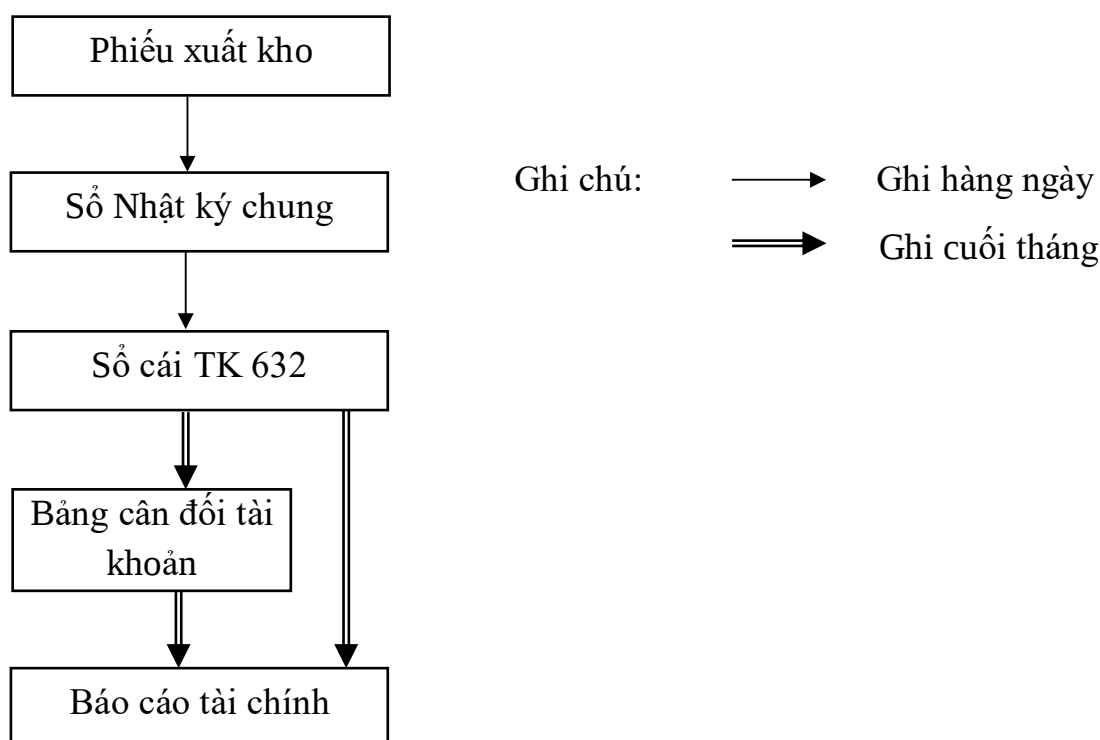
2.2.3.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Phiếu kế toán

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

2.2.3.5. Phương pháp hạch toán:

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập phải tính trị giá vốn của hàng xuất kho
- Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu .
- Công thức tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

2.2.3.6. Ví dụ minh họa

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bàn giáo viên BGV01 trong tháng 2 như sau:

1. Ngày 01/02 trong kho của công ty còn 5 bàn giáo viên BGV01, đơn giá 600.000 đồng.
2. Ngày 02/02 công ty nhập kho 5 bàn giáo viên BGV01, đơn giá 620.000 đồng.
3. Ngày 09/02 công ty xuất bán 6 bàn giáo viên BGV01 cho trường THPT Hải An.
4. Ngày 22/02 công ty xuất bán 3 bàn giáo viên BGV01 cho trường THPT Quang Trung.

Căn cứ vào Sổ chi tiết 156-Bàn giáo viên BGV01 (biểu 2.12) kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn như sau:

- Tồn kho đầu kỳ tháng 2/2016, 5 chiếc bàn giáo viên.

+ Trị giá tồn đầu kỳ tháng 2 = $5 * 600.000 = 3.000.000$ đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ :

+ Ngày 02/2 nhập kho 5 bàn giáo viên 01 đơn giá 620.000 đồng

Trị giá nhập kho ngày 02/2 = $5 * 620.000 = 3.100.000$ đồng

+ Ngày 09/2 xuất 6 bàn giáo viên 01 :

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá BQLH BGV01 ngày 09/2} &= \frac{3.000.000 + 3.100.000}{5+5} \\ &= 610.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Trị giá xuất kho BQLH BGV01 ngày 09/2 = $6 * 610.000 = 3.660.000$ đồng

+ Ngày 22/2 xuất kho 3 bàn giáo viên 01:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá BQLH BGV01 ngày 22/2} &= \frac{3.000.000 + 3.100.000 - 3.660.000}{5+5-6} \\ &= 610.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Trị giá xuất kho BQLH BGV01 ngày 22/2 = $3 * 610.000 = 1.830.000$ đồng

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán:

- Ngày 09/02: Nợ 632: 3.660.000

Có 156: 3.660.000

- Ngày 22/02: Nợ 632: 1.830.000

Có 156: 1.830.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho 018 (biểu 2.9) và phiếu xuất kho 019 (biểu 2.10) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.12)

Biểu số 2.9: Phiếu Xuất kho 018 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Cty TNHH SX TM nội thất

Mẫu số 02-VT

trường học và văn

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ- BTC

phòng Anh Đức

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn -

Lê Chân - Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 02 năm 2016

PXK018

NợTK 632: 3.660.000

CóTK 156: 3.660.000

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Mai Trang

Địa chỉ : Phòng tài chính trường THPT Hải An.

Lý do xuất: Bán bàn giáo viên BGV01

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bàn giáo viên BGV01	BGV01	chiếc	6	6	610.000	3.660.000
	Cộng						3.660.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng.**

Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 09 tháng 02 năm 2016

Người lập phiếu
(họ và tên)

Người nhận hàng
(họ và tên)

Thủ kho
(họ và tên)

Kế toán trưởng
(họ và tên)

Giám đốc
(họ và tên)

Biểu số 2.10: Phiếu Xuất kho 019 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Cty TNHH SX TM nội thất trường

Mẫu số 02-VT

học

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ- BTC

và văn

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

phòng Anh Đức

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn -

Lê Chân - Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 02 năm 2016

PXK019

Nợ TK 632: 1.830.000

CóTK 156: 1.830.000

Họ và tên người nhận hàng: Trịnh Văn Bình

Địa chỉ : Phòng tài chính trường THPT Quang Trung

Lý do xuất: Bán bàn giáo viên BGV01

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bàn giáo viên BGV01	BGV01	chiếc	3	3	610.000	1.830.000
	Cộng						1.830.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng.**

Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 22 tháng 02 năm 2016

Người lập phiếu
(họ và tên)

Người nhận hàng
(họ và tên)

Thủ kho
(họ và tên)

Kế toán trưởng
(họ và tên)

Giám đốc
(họ và tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).**Đơn vị :** Cty TNHH SX TM nội thất trường học**Mẫu số S03a-DNN**

và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...
PX18/02	09/02	Giá vốn hàng bán cho trường			632	3.660.000	
		THPT Hải An			156		3.660.000
...	...	...	...	...	...	...	...
PX19/01	22/02	Giá vốn hàng bán cho trường			632	1.830.000	
		THPT Quang Trung			156		1.830.000
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng				3.055.268.890	3.055.268.890

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ cái 632 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Cty TNHH SX TM nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân

- Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

SHTK: 632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...
PX18/02	09/02	Giá vốn hàng bán cho trường THPT Hải An			156	3.660.000	
PX19/01	22/02	Giá vốn hàng bán cho trường THPT Quag Trung			632	1.830.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		840.204.540
		Cộng ps				840.204.540	840.204.540
		SDCK					

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH nội thất trường học và văn phòng Anh Đức:

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ tại doanh chủ yếu là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. *Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm:*

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuê môn bài....

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

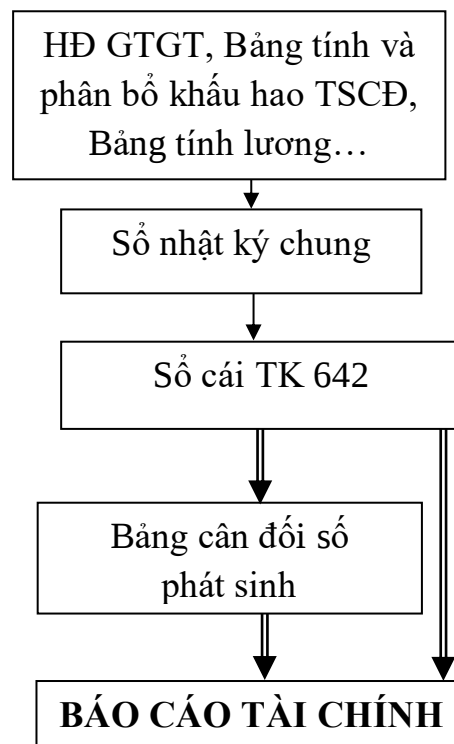
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng tài khoản chi tiết của TK 642 là:

- TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

2.2.4.4. Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1 : Ngày 08/10/2016 Thanh toán tiền điện cho công ty điện lực Hải Phòng trả ngay bằng tiền mặt : 3.905.876 đồng (cả thuế VAT).

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0000839 (**Biểu số 2.13**) . Kế toán lập phiếu chi số 158 (**Biểu số 2.14**)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 000839 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.17**)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 6422 (**Biểu số 2.18**)

- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 15/10/2016, Công ty chi tiếp khách phục vụ cho văn phòng với trị giá 3.000.000 (chưa thuế VAT 10%)

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0000988 (**Biểu số 2.15**) Kế toán lập phiếu chi số 164 (**Biểu số 2.16**)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000988 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.17**)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 6422 (**Biểu số 2.18**)

- Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.13 : HD 0000839 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

**HOÁ ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)****ELECTRICITY BILL***Liên (Sheet) 2: Giao KH*

Từ ngày 7/9/2016 đến ngày 6/10/2016

Mẫu số (Model No)
01GTKT2/002Ký hiệu (Serial
No): AA/11T
Số (No):**Tổng công ty Điện lực Hải Phòng**

Địa chỉ : 54 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số TK:

Mã số thuế: 0200340211**Tên khách hàng**

Địa chỉ: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

Số tài khoản:

Mã số thuế: 0201310890

Số TT	Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện năng tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
1	KT	73606	71147	1	2.459	1.444	3.550.796
Tổng cộng:							3.550.796
Thuế suất GTGT:							355.080
Tổng tiền thanh toán:							3.905.876

Tổng tiền thanh toán viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu chín trăm linh năm nghìn tám trăm bảy sáu đồng.

Ngày 06 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

Biểu số 2.14 : Phiếu chi số 09/10(Nguồn:Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng	PHIẾU CHI Số: 158 Ngày 08 tháng 10 năm 2016	Mẫu số 02 –TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính) Nợ TK 642: 3.550.796 Nợ TK 133: 355.080 Có TK111: 3.905.876
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hiền Địa chỉ: Công ty điện lực Hải Phòng Lý do chi: trả tiền điện Số tiền: 3.905.876 (Viết bằng chữ): Ba triệu chín trăm linh năm nghìn tám trăm bảy sáu đồng. Kèm theo: 01 chứng từ gốc		
Ngày 08 tháng 10 năm 2016		
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
		Kế toán trưởng (ký, họ tên)
Giám đốc (ký, họ tên)		
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu chín trăm linh năm nghìn tám trăm bảy sáu đồng.		

Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT số 000839 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Mẫu số: 01GTKT3/0011

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: AA/16P

Số: 0000839

Ngày...15...tháng...10...năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Thương Mại Và Nhà Hàng Phúc Đình Quán

Mã số thuế: 0107005480

Địa chỉ: Tổ 5 Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Số tài khoản.....

Điện thoại: 0943799408

Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Bột

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

Mã số thuế: 0201310890

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Số tài khoản.....

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Tiếp khách				3.000.000

Cộng tiền hàng: 3.000.000

Thuế suất GTGT: 10 %

Tiền thuế GTGT: 300.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 3.300.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng
(Đã ký)

Người bán hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu số 2.16: Phiếu chi số 06/12(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức		Mẫu số 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)	
Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng	PHIẾU CHI Số: 164 Ngày 15 tháng 10 năm 2016		
		Nợ TK 642: 3000.000 Nợ TK 133: 300.000 Có TK111: 3.300.000	
Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Sơn Địa chỉ: Công Ty TNHH Thương Mại Và Nhà Hàng Phúc Đình Quán Lý do chi: Chi tiền tiếp khách Số tiền: 3.300.000 (Viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng. Kèm theo: 01 chứng từ gốc			
Ngày 15 tháng 10 năm 2016			
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)
			Giám đốc (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng.			

Biểu số 2.17: Trích sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị : Cty TNHH SX TM nội thất trường học

Mẫu số S03a-DNN

và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

- Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...
HD0000839 PC158	08/10/2016	Thanh toán tiền điện cho công ty, trả bằng tiền mặt			642	3.550.796	
					133	355.080	
					111		3.905.876
...	...	...	...	...	...	...	...
HD0000988 PC164	15/10/2016	Chi tiền tiếp khách, trả bằng tiền mặt			642	3000.000	
					133	300.000	
					111		3.300.000
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng				3.055.268.890	3.055.268.890

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Sổ cái 632 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)**Đơn vị:** Cty TNHH SX TM nội thất trường**Mẫu số:** S03b – DNN

học và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn -

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Lê Chân - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**SHTK:** 642*Đơn vị tính:* Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...
08/10	HĐ0000 839	Thanh toán tiền điện, trả bằng tiền mặt			111	3.550.796	
...	...	...	...	...	...	...	...
15/10	HĐ0000 988	Chi tiền tiếp khách, trả bằng tiền mặt			111	3000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		79.957.000
		Cộng ps				79.957.000	79.957.000
		SDCK					

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức :

- Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho các đối tượng quan tâm khác: cục thuế, ngân hàng,... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Nội dung báo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty được xác định trong niên độ tài chính là một năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên Báo cáo tài chính năm.

2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

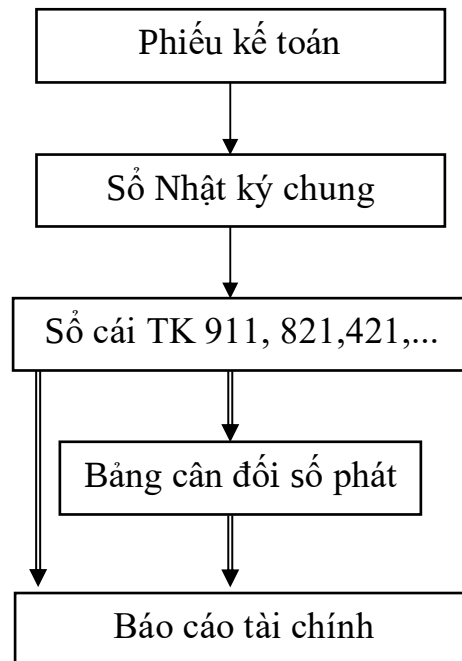
2.2.5.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, TK 421, TK 511, TK 515, TK 632, TK 641, TK 642, TK821.

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan: TK 511, TK 515, TK 632, TK641, TK642, TK821.

2.2.5.4. Quy trình hạch toán



Ghi chú : $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày

$\Longrightarrow$ Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

❖ *Trình tự hạch toán*

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái các tài khoản: TK 911, TK 821, TK 421. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

2.2.5.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 : Các bút toán kết chuyển cuối năm 2016 và xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 2.19 : Trích phiếu kế toán (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 15

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	921.461.563
			Cộng			921.461.563

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20 : Trích phiếu kế toán (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị : Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 16

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	24.257
			Cộng			24.257

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21 : Trích phiếu kế toán (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)**Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức****Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 17

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	840.204.540
			Cộng			840.204.540

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22 : Trích phiếu kế toán (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)**Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức****Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 18

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	911	642	79.957.000
			Cộng			79.957.000

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23 : Trích phiếu kế toán(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 19

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Chi phí thuế TNDN	821	3334	264.856
			Cộng			264.856

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24 : Trích phiếu kế toán(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 20

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	264.856
			Cộng			264.856

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25 : Trích phiếu kế toán(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 21

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển lãi	911	421	1.059.424
			Cộng			1.059.424

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2016(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)

Đơn vị : Cty TNHH SX TM nội thất trường

Mẫu số S03a-DNN

học và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-

Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê
Chân - Hải

BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển DTBH	511	921.461.563	
				911		921.461.563
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	24.257	
				911		24.257
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	840.204.540	
				632		840.204.540
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	79.957.000	
				642		79.957.000
31/12	PKT 35	31/12	CP thuế TNDN	821	264.856	
				3334		264.856
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	264.856	
				821		264.856
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển lãi	911	1.324.280	
				421		1.324.280
			Cộng phát sinh		1.843.501.352	1.843.501.352

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27: Trích sổ cái 911(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)**Đơn vị:** Cty TNHH SX TM nội thất trường học và văn phòng Anh Đức**Địa chỉ :** 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng**Mẫu số:** S03b – DNN(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTCNgày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)**SỔ CÁI**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		921.461.563
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515		24.257
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	840.204.540	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	79.957.000	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	264.856	
31/12	PKT 38	31/12	Kết chuyển lãi	421	1.059.424	
			Cộng phát sinh		921.485.820	921.485.820
			<u>Tổng phát sinh</u>		<u>921.485.820</u>	<u>921.485.820</u>

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày...31..tháng...12..năm ..2016

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28 : Sổ cái 821 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức)**Đơn vị:** Cty TNHH SX TM nội thất trường**Mẫu số:** S03b – DNN

học và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chân - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	264.856	
PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		264.856
		Cộng số phát sinh năm		264.856	264.856
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày...31..tháng...12..năm ..2016.....

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29 : Sổ cái 421 (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất và trường học Anh Đức)

Đơn vị: Cty TNHH SX TM nội thất trường

Mẫu số: S03b – DNN

học và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn -

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Lê Chân - Hải Phòng

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>		<u>52.691.124</u>	
PKT23	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		1.059.424
		Cộng số phát sinh năm			1.059.424
		<u>Số dư cuối năm</u>		<u>51.631.700</u>	

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày...31...tháng...12...năm ..2016

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất và trường học Anh Đức)

*** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: Cty TNHH SX TM nội

Mẫu số : B02-DNN

thất trường học và văn phòng Anh Đức

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ : 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Chân - Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	921.461.536	1.442.619.487
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		921.461.536	1.442.619.487
4. Giá vốn hàng bán	11		840.204.540	1.374.250.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		81.257.023	68.369.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		24.257	155.780
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		79.957.000	65.188.803
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		1.324.280	3.336.325
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.324.280	3.336.325
14. Chi phí thuế TNDN	51		264.856	667.265
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		1.059.424	2.669.060

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 40: Bảng cân đối tài khoản

Đơn vị: Công ty TNHH TNHH sản xuất thương mại nội thất trường
học và văn phòng Anh Đức
Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số B01 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**Năm 2016****Đơn vị tính : Đồng**

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	21.415.075	0	931.516.000	855.434.981	97.496.094	0
112	Tiền gửi NH	1.480.008	0	763.780.057	762.777.000	2.483.065	0
131	Phải thu khách hàng	396.134.300	0	578.914.000	622.955.000	352.092.500	0
133	Thuế GTGT được khấu trừ	3.480.631	0	78.562.647	78.562.647	3.480.631	0
1331	Thuế GTGT được khấu trừ hàng hóa dịch vụ	3.480.631	0	78.562.647	78.562.647	3.480.631	0
138	Phải thu khác	0	0	0	0	0	0
139	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0	0	0	0
141	Tạm ứng	0	0	0	0	0	0
142	Chi phí trả trước	0	0	0	0	0	0
144	Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	0	0	0	0	0	0
151	Hàng mua đang đi đường	0	0	0	0	0	0

152	Nguyên vật liệu	0	0	0	0	0	0
153	Công cụ dụng cụ	0	0	0	0	0	0
154	Chi phí SXKD dở dang	0	0	0	0	0	0
155	Thành phẩm	0	0	0	0	0	0
156	Hàng hóa	12.161.402	0	828.043.138	840.204.540	0	0
157	Hàng gửi đi bán						
211	Tài sản cố định						
214	Khấu hao TSCĐ						
242	Chi phí trả trước dài hạn	12.906.804	0	0	12.906.804	0	0
311	Vay NH						
331	Phải trả cho người bán	0	2.996.000	264.756.000	261.760.000		
333	Thuế và các khoản phải nộp	2.726.656		80.262.647	90.173.293	2.461.800	9.645.790
3331	Thuế GTGT đầu ra			80.262.647	89.908.437		9.645.790
33311	Thuế GTGT hàng nhập khẩu			79.262.647	88.908.437		
33312	Thuế tiêu thụ đặc biệt			1.000.000	1.000.000		
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.726.656			264.856	2.461.800	
334	Lương nhân viên			78.000.000	78.000.000		
338	Phải trả, phải nộp khác						
3382	Kinh phí công đoàn						
3383	Bảo hiểm xã hội						
3384	Bảo hiểm y tế						
3389	Bảo hiểm thất nghiệp						
3388	Phải trả phải nộp khác						
341	Vay dài hạn						
411	Nguồn vốn kinh doanh		500.000.000				500.000.000
4111	Vốn đầu tư chủ sở hữu		500.000.000				500.000.000

421	Lợi nhuận chưa phân phối	52.691.124			1.059.424	51.631.700	
4211	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	52.691.124			1.059.424	51.631.700	
4212	Lợi nhuận phân phối năm nay						
441	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản						
511	Doanh thu bán hàng			921.461.563	921.461.563		
515	Doanh thu HĐ tài chính						
632	Giá vốn hàng bán			840.204.540	840.204.540		
635	Chi HĐ tài chính						
642	Chi phí QLDN			79.597.000	79.597.000		
6421	Chi phí bán hàng						
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp			79.597.000	79.597.000		
711	Thu nhập khác						
811	Chi phí khác						
821	Chi phí thuế TNDN			264.856	264.856		
911	Xác định kết quả kinh doanh	502.996.000	502.996.000	921.485.820	921.485.820	509.645.790	509.645.790
Cộng							

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên,đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NỘI THẤT TRƯỜNG
HỌC VÀ VĂN PHÒNG ANH ĐỨC**

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức.

3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức:

- Về công tác quản lý:
 - + Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
 - +Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng.
- Về công tác kế toán:
 - +Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.
 - +Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.
- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:
 - +Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.
 - +Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.
- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:
 - +Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.
 - +Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

+Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức:

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Công ty chưa áp dụng kế toán mới.

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH sản xuất thương Mại Nội Thất Trường Học Và Văn Phòng Anh Đức mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác , tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao,

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức

3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán nội thất khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Chiết khấu thương mại

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được

hoạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chỉ chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hoạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Để chào mừng năm mới Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức có chương trình khuyến mại trong quý 1 từ 1/1/2016 - 31/1/2016

Nội dung hưởng chiết khấu	Số % được hưởng
khách hàng $\geq 10sp$	5%
khách hàng $\geq 20sp$	10%

Ví dụ 1:

Ngày 18/01 bán hàng cho trường Tiểu học Đằng Hải theo HĐ000010 số tiền 8.400.000 đồng (chưa thuế).

Trường Tiểu Học Đằng Hải mua 28 bàn học sinh BHS-01 vì vậy công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức khi viết hóa đơn xuất bán ngày 18/01 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 10%

Tổng số tiền chiết khấu là: $28 \times 300.000 \times 10\% = 840.000$ đồng.

Biểu số 41 : Hóa đơn GTGT số 000010 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 18 tháng 01 năm 2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: HQ/15P Số: 0000010	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức Mã số thuế: 0201310890 Địa chỉ: 69/78/430 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng Số tài khoản:					
Đơn vị mua hàng: Trường Tiểu Học Đằng Hải Mã số thuế: 5700987538 Địa chỉ: Lũng Bắc, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bàn học sinh gỗ xoan đào BHS-01	Chiếc	28	300.000	8.400.000
2	Chiết khấu thương mại được hưởng				840.000
Cộng tiền hàng					7.560.000
Thuế GTGT :10%		Tiền thuế GTGT			756.000
Tổng tiền thanh toán					8.316.000
Số tiền bằng chữ: Tám triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

3.4.2 Kiến nghị 2: Kiến nghị về áp dụng chế độ kế toán mới.

- Quyết định 48/2006/QĐ-BTC hết hiệu lực từ 1/1/2017 thay thế bằng Thông tư 133/2016/TT-BTC

- Nội dung Quyết định Thông tư 133/2016/TT-BTC:

+Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định.

+Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra

+Doanh nghiệp được tự quyết cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu.

+Không còn Số dư TK521->khi phát sinh hạch toán ngay vào bên Nợ TK511

+Không còn Số dư TK159->khi phát sinh hạch toán vào TK229

+Bảng cân đối kế toán đổi tên là Báo cáo tình hình tài chính.

3.4.3 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do kiến nghị:* Công ty TNHH nội thất trường học và văn phòng Anh Đức vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

+ **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

+ **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

+ **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ

thông. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

+ **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tỉnh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý. Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty TNHH TM nội thất trường học và văn phòng Anh Đức là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Accounting

.....

Phần mềm kế toán Misa: [http:// www.misa.com.vn/](http://www.misa.com.vn/)

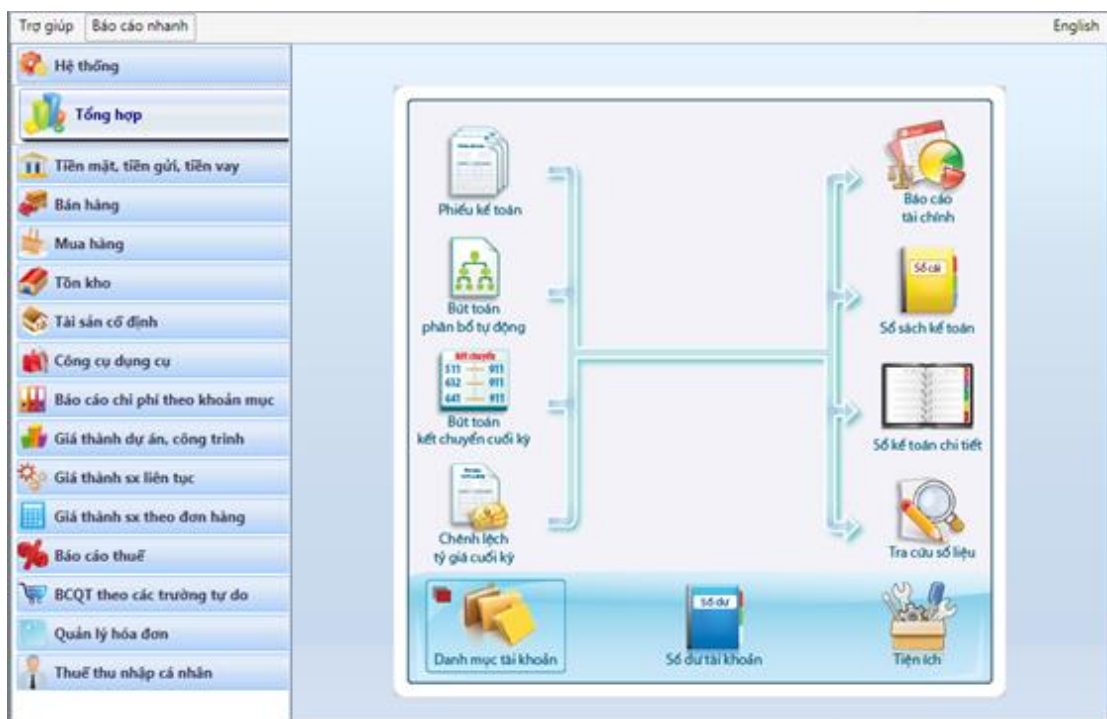


Chức năng:

MISA SNE.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Phần mềm kế toán *Fast Accounting*: [http:// www.fast.com.vn/](http://www.fast.com.vn/)



Chức năng:

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bộ cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức.

3.4.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

3.4.2. Về phía doanh nghiệp

+Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài viết đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức như :

- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán
- Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths. Đồng Thị Nga và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em rất mong có sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin trân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Đồng Thị Nga và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này !

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2018

Sinh viên thực tập

Thoa

Nguyễn Thị Kim Thoa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Quyết định 48/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính.
4. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất trường học và văn phòng Anh Đức năm 2016.
5. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.